



**TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN
THỰC HIỆN QUY ĐỊNH CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU 2023/1115
VỀ SẢN PHẨM KHÔNG GÂY MẤT RỪNG**

Unofficial translation of
GUIDANCE DOCUMENT
FOR REGULATION (EU) 2023/1115 ON DEFORESTATION-FREE PRODUCTS

Miễn trừ trách nhiệm:

Tài liệu này là một bản dịch chưa được ủy quyền bởi Liên minh châu Âu (EU) hoặc Chính phủ Cộng hòa Liên bang Đức. Bản dịch không có ý kiến hoặc đánh giá chính thức về quy định, nó cũng không phải ánh quan điểm của EU hoặc Chính phủ Cộng hòa Liên bang Đức. Tài liệu này không thể thay thế việc đánh giá pháp lí của bạn, và không có ý định đưa ra khuyến nghị hành động. Tài liệu này được biên tập bởi GIZ dựa trên “Tài liệu hướng dẫn thực hiện Quy định của Liên minh châu Âu 2023/1115 về sản phẩm không gây mất rừng” (*Guidance Document for Regulation (EU) 2023/1115 on Deforestation-Free Products*) bằng tiếng Anh được phát hành bởi Liên minh châu Âu để thúc đẩy thảo luận.

Disclaimer:

This document is an unofficial translation and has not been authorized by the European Union (EU) or the Government of the Federal Republic of Germany. It does not represent the official position or any opinions of the EU or the Government of Germany. This document is not a substitute for legal advice and is not intended as a recommendation for action. It was prepared by GIZ based on the “Guidance Document for Regulation (EU) 2023/1115 on Deforestation-Free Products” issued by the European Union, with the purpose of stimulating discussion.

**TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN QUY ĐỊNH CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU
2023/1115**

VỀ SẢN PHẨM KHÔNG GÂY MẤT RỪNG

Unofficial translation of

**GUIDANCE DOCUMENT1
FOR REGULATION (EU) 2023/1115 ON DEFORESTATION-FREE PRODUCTS**

Miễn trừ trách nhiệm:

Tài liệu này là bản dịch không chính thức, không được ủy quyền bởi Liên minh châu Âu (EU) hoặc Chính phủ nước Cộng hòa Liên bang Đức. Tài liệu không phản ánh quan điểm chính thức hay bất kỳ ý kiến đánh giá nào về các quy định của Liên minh Châu Âu hoặc Chính phủ nước Cộng hòa Liên bang Đức. Tài liệu cũng không thay thế cho các đánh giá pháp lý, và không nhằm mục đích khuyến nghị hành động. Tài liệu được biên soạn bởi GIZ dựa trên “Tài liệu hướng dẫn thực hiện Quy định của Liên minh châu Âu 2023/1115 về sản phẩm không gây mất rừng” (Guidance Document for Regulation (EU) 2023/1115 on Deforestation-Free Products) do Liên minh Châu Âu phát hành nhằm thúc đẩy thảo luận.

Disclaimer:

This document is an unofficial translation and has not been authorized by the European Union (EU) or the Government of the Federal Republic of Germany. It does not represent the official position or any opinions of the EU or the Government of Germany. This document is not a substitute for legal advice and is not intended as a recommendation for action. It was prepared by GIZ based on the “Guidance Document for Regulation (EU) 2023/1115 on Deforestation-Free Products” issued by the European Union, with the purpose of stimulating discussion.



ỦY BAN CHÂU ÂU

Brussels, 2.10.2024
C(2024) 7027 bản cuối cùng
PHỤ LỤC

PHỤ LỤC

Về việc

Thông báo cho Ủy ban

**Phê duyệt nội dung dự thảo Thông báo của Ủy ban Liên minh Châu Âu ban hành
Tài liệu hướng dẫn thực hiện Quy định của Liên minh châu Âu 2023/1115
về sản phẩm không gây mất rừng**

PHỤ LỤC

Dự thảo Thông báo về Tài liệu hướng dẫn thực hiện Quy định của Liên minh châu Âu 2023/1115 về sản phẩm không gây mất rừng



ỦY BAN CHÂU ÂU

Brussels, XXX [...] (2024) XXX draft

THÔNG BÁO CỦA ỦY BAN

**Tài liệu hướng dẫn thực hiện Quy định của Liên minh châu Âu 2023/1115
về sản phẩm không gây mất rừng**

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN¹
THỰC HIỆN QUY ĐỊNH CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU 2023/1115 VỀ SẢN PHẨM KHÔNG GÂY
MẤT RỪNG²

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU	9
1. ĐỊNH NGHĨA “ĐƯA VÀO THỊ TRƯỜNG”, “CUNG CẤP TRÊN THỊ TRƯỜNG” VÀ “XUẤT KHẨU”	9
a) Đưa vào thị trường	9
b) Cung cấp trên thị trường	10
c) Xuất khẩu	11
2. ĐỊNH NGHĨA “CÁ NHÂN, TỔ CHỨC”	11
3. NGÀY HIỆU LỰC VÀ THỜI GIAN ÁP DỤNG.....	12
4. TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH VÀ ĐỊNH NGHĨA “RỦI RO KHÔNG ĐÁNG KỂ”	14
a) Đánh giá rủi ro	14
b) Rủi ro không đáng kể	16
c) Vai trò của các đơn vị thương mại là DNNVV và không phải là DNNVV.....	16
d) Mối quan hệ với Chỉ thị về Trách nhiệm giải trình tính bền vững của doanh nghiệp (Corporate Sustainability Due Diligence Directive)	17
5. LÀM RÕ SỰ PHỨC TẠP CỦA CHUỖI CUNG ỨNG’	17
6. TÍNH HỢP PHÁP	18
a) Quy định pháp luật liên quan của quốc gia sản xuất.....	19
b) Trách nhiệm giải trình về tính hợp pháp.....	20
7. PHẠM VI SẢN PHẨM.....	23
a) Làm rõ về vật liệu đóng gói và bao bì	23
b) Làm rõ về chất thải và các sản phẩm tái chế	24
8. DUY TRÌ HỆ THỐNG TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH	25
9. SẢN PHẨM HỖN HỢP.....	26

¹ Không có nội dung nào trong tài liệu hướng dẫn này thay thế hoặc thay đổi các dẫn chiếu trực tiếp đến các văn bản được đề cập đến và Ủy ban không chịu bất kỳ trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào phát sinh từ sai sót hoặc tuyên bố trong tài liệu này. Chỉ có Tòa án công lý châu Âu mới có thẩm quyền đưa ra phán quyết cuối cùng về việc giải thích Quy định này.

² Công báo số OJ L 150, 9.6.2023, p. 206–247. ELI: <http://data.europa.eu/eli/reg/2023/1115/oj>

a) Các yêu cầu về thông tin.....	26
b) Trách nhiệm giải trình đối với các sản phẩm hỗn hợp: sử dụng các tuyên bố trách nhiệm.....	27
giải trình trước đó	27
10. VAI TRÒ CỦA CÁC HỆ THỐNG CHỨNG NHẬN VÀ HỆ THỐNG XÁC MINH CỦA BÊN THỨ BA TRONG ĐÁNH GIÁ RỦI RO VÀ GIẢM THIỂU	28
RỦI RO	28
a) Vai trò của các hệ thống chứng nhận và hệ thống xác minh của bên thứ ba	29
b) Thông tin về bối cảnh	32
11. SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH NÔNG NGHIỆP.....	33
1. Giới thiệu	33
2. Làm rõ việc chuyển đổi đất rừng sang đất không sử dụng cho mục đích nông nghiệp.....	34
3. Định nghĩa “rừng”.....	34
4. Định nghĩa “Sử dụng cho mục đích nông nghiệp” và các trường hợp ngoại lệ.....	35
a) Làm rõ mục đích nông nghiệp.....	35
b) Làm rõ mục đích sử dụng đất chính	37
c) Định nghĩa về “trang trại nông nghiệp”.....	37
d) Làm rõ “Hệ thống nông lâm kết hợp”	38
5. Làm rõ mục đích sử dụng đất trong trường hợp có nhiều loại hình sử dụng đất trên cùng một diện tích và sử dụng sổ đăng ký đất đai và bản đồ địa chính.....	38
PHỤ LỤC I.....	40
Kịch bản 1 – Chế biến sản phẩm.....	40
Kịch bản 2 – Vật liệu đóng gói	40
Kịch bản 2a.....	40
Kịch bản 2b.....	41
Kịch bản 3 – Chuyển giao quyền sở hữu	41
Kịch bản 3a.....	41
Kịch bản 3b.....	42
Kịch bản 4 –Đưa vào thị trường và cung cấp trên thị trường	42
Kịch bản 4a.....	42
Kịch bản 4b.....	43
Kịch bản 4c.....	43
Kịch bản 4d.....	44
Kịch bản 5 – Sử dụng Tuyên bố trách nhiệm giải trình đã có như một nguồn tham chiếu.....	44
Kịch bản 6 – Trách nhiệm giải trình đối với các thể nhân/doanh nghiệp siêu nhỏ.....	44
Kịch bản 7 – Ủy quyền cho bên thứ ba làm đại diện	45
Kịch bản 8 – Phạm vi sản phẩm.....	45

Kịch bản 9 – Đưa các sản phẩm có liên quan vào thị trường bởi một cá nhân, tổ chức là	45
DNNVV	45
Kịch bản 9a	45
Kịch bản 9b	46
Kịch bản 10 –Các sản phẩm liên quan được bán trực tuyến hoặc thông qua các phương tiện	46
bán hàng từ xa khác	46
PHỤ LỤC II	47
CÁC VÍ DỤ VỀ YÊU CẦU THÔNG TIN VÀ THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM	47
GIẢI TRÌNH ĐỐI VỚI CÁC SẢN PHẨM HỖN HỢP ĐƯỢC QUY ĐỊNH TẠI	47
PHỤ LỤC I CỦA EUDR	47

GIỚI THIỆU

Điều 15(5) của Quy định của Liên minh châu Âu 2023/1115 về việc cung cấp trên thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu từ Liên minh các hàng hóa và sản phẩm liên quan đến mất rừng và suy thoái rừng và bãi bỏ Quy định (EU) 995/2010 (sau đây gọi tắt là EUDR) quy định rằng Ủy ban có thể ban hành các hướng dẫn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện hài hòa Quy định này.

Tài liệu hướng dẫn này không mang tính ràng buộc về mặt pháp lý; mục đích duy nhất là cung cấp thông tin về một số chính sách cụ thể của EUDR. Tài liệu này không thay thế, bổ sung hoặc sửa đổi các điều khoản trong EUDR vốn đã quy định rõ các nghĩa vụ pháp lý. Đây không phải là một tài liệu tham khảo “độc lập” mà phải được sử dụng cùng với văn bản EUDR.

Tuy nhiên, tài liệu này là một nguồn tham khảo hữu ích cho bất kỳ cá nhân, tổ chức và đơn vị thương mại nào cần tuân thủ EUDR vì sự giải thích rõ ràng hơn những nội dung cụ thể của Quy định. Đây cũng có thể là tài liệu hướng dẫn các cơ quan có thẩm quyền quốc gia, các cơ quan thực thi và tòa án quốc gia trong quá trình thực hiện và áp dụng EUDR.

Các nội dung trong tài liệu hướng dẫn này đã được thảo luận và xây dựng thông qua phối hợp với các đại diện của các quốc gia thành viên Liên minh. Các vấn đề bổ sung có thể sẽ được đưa vào khi có thêm kinh nghiệm từ quá trình áp dụng EUDR, và Tài liệu hướng dẫn sẽ được điều chỉnh phù hợp.

Cần lưu ý rằng, theo như đoạn trích dẫn số 43 trong EUDR, các định nghĩa trong Quy định được xây dựng trên cơ sở các tài liệu của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO), Ủy ban Liên chính phủ về Biến đổi khí hậu (IPCC), Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP) và Liên minh quốc tế Bảo tồn thiên nhiên (IUCN).

Nguyên tắc tương xứng với mục tiêu đề ra là một trong những nguyên tắc chung của luật Liên minh áp dụng để giải thích và thực thi các quy định pháp luật của Liên minh³. Các nước thành viên Liên minh chịu trách nhiệm thực thi các điều khoản.

1. ĐỊNH NGHĨA “ĐƯA VÀO THỊ TRƯỜNG”, “CUNG CẤP TRÊN THỊ TRƯỜNG” VÀ “XUẤT KHẨU”

Quy định pháp luật liên quan: EUDR – Điều 2 – Định nghĩa

Nghĩa vụ đối với các cá nhân và tổ chức áp dụng theo Điều 4 có hiệu lực khi các sản phẩm liên quan dự định hoặc đã được “đưa vào thị trường” hoặc “xuất khẩu”. Nghĩa vụ đối với các đơn vị thương mại theo Điều 5 của EUDR có hiệu lực khi các hàng hóa hoặc sản phẩm liên quan dự định hoặc đã được “cung cấp trên thị trường” (xem Mục c, Chương 4 của Tài liệu hướng dẫn này).

Phụ lục I của Tài liệu hướng dẫn này cung cấp tổng quan về các kịch bản, giải thích các nghĩa vụ mà các cá nhân, tổ chức và đơn vị thương mại, là những doanh nghiệp thuộc và không thuộc nhóm nhỏ và vừa (DNNVV), phải tuân thủ khi đưa sản phẩm liên quan vào thị trường Liên minh, cung cấp sản phẩm liên quan trên thị trường Liên minh, hoặc xuất khẩu sản phẩm liên quan từ Liên minh. Các kịch bản này phản ánh sự thay đổi nghĩa vụ của các cá nhân, tổ chức là DNNVV ở giai đoạn sau của chuỗi cung ứng (theo quy định tại Điều 4(8) của EUDR) và của các cá nhân, tổ chức và đơn vị thương mại không phải là DNNVV (theo quy định tại Điều 4(9) của EUDR).

a) Đưa vào thị trường

Theo quy định tại Điều 2(16) của EUDR, một hàng hóa liên quan hoặc sản phẩm liên quan được coi là “đưa vào thị trường” nếu được cung cấp **lần đầu tiên** trên thị trường Liên minh. Các hàng hóa hoặc sản phẩm liên quan đã được đưa vào thị trường Liên minh trước đó không thuộc phạm vi này. Khái niệm “đưa

³ Để biết thêm chi tiết liên quan đến việc thực hiện, vui lòng tham khảo Các câu hỏi thường gặp tại đây: [Deforestation Regulation implementation - European Commission \(europa.eu\)](https://ec.europa.eu/deforestation-regulation-implementation).

vào thị trường” áp dụng cho từng mặt hàng hoặc sản phẩm liên quan, không phải cho cả loại sản phẩm, bất kể đó hàng hóa hay sản phẩm sản xuất riêng lẻ hay sản xuất hàng loạt.

b) Cung cấp trên thị trường

Theo Điều 2(18), một sản phẩm liên quan được ‘cung cấp trên thị trường’ nếu nó được cung ứng:

- **trên thị trường Liên minh để phân phối, tiêu thụ hoặc sử dụng** – nghĩa là hàng hóa hoặc sản phẩm liên quan phải có mặt thực tế tại Liên minh, dù được khai thác hoặc được nuôi, trồng tại Liên minh hoặc được nhập khẩu vào Liên minh và được thông quan để “lưu thông tự do” theo quy định của hải quan. Các sản phẩm được nhập khẩu vào Liên minh, không được coi là “hàng hóa của Liên minh” trước khi được đưa vào lãnh thổ của Liên minh và được thông quan để lưu thông tự do theo quy định của hải quan. Các sản phẩm được đưa vào thị trường Liên minh theo các thủ tục hải quan khác ngoài thủ tục “thông quan để lưu thông tự do” (ví dụ như lưu kho ngoại quan, xử lý nhập khẩu, tạm nhập, quá cảnh) không được coi là đã vào thị trường Liên minh theo quy định của EUDR; và
- **trong quá trình thực hiện hoạt động thương mại** – nghĩa là hoạt động diễn ra trong bối cảnh kinh doanh, hoạt động mua bán có thu phí hoặc miễn phí, hoạt động cung cấp cho người tiêu dùng phi thương mại và các hoạt động không có thanh toán đều thuộc phạm vi của EUDR (ví dụ như hoạt động quyên góp hoặc hoạt động cộng đồng). Quy định của EUDR không áp đặt yêu cầu đối với người tiêu dùng phi thương mại vì việc tiêu dùng và sử dụng cá nhân nằm ngoài phạm vi của quy định này.

“**Cung cấp trên thị trường**”, do đó được hiểu là xảy ra khi một đơn vị thương mại cung cấp các sản phẩm liên quan vào thị trường Liên minh (i) để phân phối, tiêu thụ hoặc sử dụng, và (ii) trong quá trình thực hiện hoạt động thương mại.

“**Đưa vào thị trường**”, được hiểu là xảy ra khi một cá nhân, tổ chức cung cấp một sản phẩm liên quan vào thị trường Liên minh (i) để phân phối, tiêu thụ hoặc sử dụng, (ii) lần đầu tiên, và (iii) trong quá trình thực hiện hoạt động thương mại.

Định nghĩa kết hợp về “cá nhân, tổ chức” (theo quy định tại Điều 2(15) của EUDR) và “trong quá trình thực hiện hoạt động thương mại” (theo quy định tại Điều 2(19) của EUDR) nghĩa là bất kỳ thể nhân nào đưa sản phẩm liên quan vào thị trường Liên minh để

- a) phân phối cho người tiêu dùng dưới hình thức thương mại hoặc phi thương mại, dù bán có thu phí hay miễn phí (chẳng hạn như sản phẩm mẫu),
- b) chế biến, hoặc
- c) sử dụng cho mục đích thương mại của chính cá nhân, tổ chức đó

sẽ phải tuân thủ các yêu cầu về thực hiện trách nhiệm giải trình và cần phải cung cấp Tuyên bố Trách nhiệm Giải trình, trừ khi có quy định đơn giản hóa (theo quy định tại Điều 4(8) và 4(9) của EUDR).

“**Các sản phẩm liên quan đi vào thị trường Liên minh**”, do đó, được hiểu là xảy ra khi các sản phẩm liên quan đồng thời:

- được thông quan để lưu thông tự do theo quy định của hải quan đối với các sản phẩm dự định được đưa vào thị trường Liên minh. Chỉ những sản phẩm được thông quan theo quy định của hải quan để lưu thông tự do mới được coi là đã vào thị trường Liên minh. Các sản phẩm thực hiện các thủ tục hải quan khác ngoài thủ tục “thông quan để lưu thông tự do” (ví dụ như lưu kho ngoại quan, xử lý nhập khẩu, tạm nhập, v.v.) không thuộc phạm vi của EUDR.
- và
- không được dùng trực tiếp cho mục đích sử dụng hoặc tiêu dùng cá nhân trong phạm vi lãnh thổ hải quan của Liên minh. Các sản phẩm dự định sử dụng hoặc tiêu dùng cá nhân (ví dụ như cá nhân mang những sản phẩm từ chuyên đi bên ngoài Liên minh để sử dụng hoặc tiêu dùng cá nhân) không phải tuân thủ EUDR.

c) Xuất khẩu

Theo quy định tại Điều 2(37) của EUDR, “xuất khẩu” đề cập đến thủ tục hải quan xuất khẩu theo quy định tại Điều 269 của Quy định của Liên minh châu Âu 952/2013⁴ và đề cập đến việc hàng hóa của Liên minh được đưa ra khỏi lãnh thổ hải quan của Liên minh.

Điều 269 của Quy định 952/2013 nêu rằng thủ tục xuất khẩu không áp dụng cho: (a) hàng hóa đã được đưa vào quy trình xử lý xuất khẩu; (b) hàng hóa đã ra khỏi lãnh thổ hải quan của Liên minh sau khi hoàn tất quy trình xử lý cuối cùng; (c) hàng hóa đã được giao, được miễn thuế VAT hoặc thuế tiêu thụ đặc biệt, chẳng hạn như vật tư cho máy bay hoặc tàu biển, bất kể điểm đến của máy bay hoặc tàu biển, thì cần bằng chứng về việc cung cấp các vật tư đó; (d) hàng hóa đã được đưa vào quy trình xử lý quá cảnh nội bộ; (e) hàng hóa đã được tạm thời đưa ra khỏi lãnh thổ hải quan của Liên minh theo quy định tại Điều 155 của Quy định 952/2013.

Theo quy định tại Điều 270 của Quy định 952/2013, tái xuất không thuộc phạm vi của EUDR. Tái xuất ở đây có nghĩa là hàng hóa hoặc sản phẩm liên quan không được coi là “hàng hóa của Liên minh” và được đưa ra khỏi lãnh thổ hải quan của Liên minh sau khi nộp tờ khai tái xuất khẩu.

“Sản phẩm liên quan rời khỏi thị trường”, được hiểu là xảy ra khi các sản phẩm liên quan được đưa vào quy trình làm thủ tục hải quan “xuất khẩu” trong hoạt động thương mại.

Sản phẩm liên quan không còn là “hàng hóa của Liên minh” khi được xuất khẩu khỏi lãnh thổ hải quan của Liên minh, và do đó, nếu được đưa lại vào thị trường, sản phẩm sẽ được coi là mới dù mã HS không thay đổi.

Phụ lục I của Tài liệu hướng dẫn này cung cấp các ví dụ thực tế về cách diễn giải các cụm từ “đưa vào thị trường”, “cung cấp trên thị trường” và “xuất khẩu”.

2. ĐỊNH NGHĨA “CÁ NHÂN, TỔ CHỨC”

Quy định pháp luật liên quan: EUDR – Điều 2(15) – Định nghĩa; Điều 7 – Đưa vào thị trường qua các tổ chức được thành lập ở nước thứ ba

Theo quy định tại Điều 2(15) của EUDR, cá nhân, tổ chức là thể nhân hay pháp nhân mà

- Đưa vào thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu từ Liên minh các sản phẩm liên quan.
- Trong quá trình thực hiện hoạt động thương mại.

Vai trò của các cá nhân, tổ chức có thể được xác định một cách nhất quán bằng cách phân biệt các phương thức họ đưa các sản phẩm liên quan vào thị trường Liên minh, các phương thức này không giống nhau mà tùy thuộc vào việc các sản phẩm đó được sản xuất bên trong hay ngoài Liên minh.

- Đối với các sản phẩm liên quan sản xuất theo quy định tại Điều 2(14) của EUDR và được sản xuất **bên trong lãnh thổ Liên minh**, cá nhân, tổ chức thường là bên phân phối hoặc sử dụng sản phẩm này trong quá trình thực hiện hoạt động thương mại sau khi sản phẩm được sản xuất, đó có thể là nhà sản xuất.
- Thẻ nhân chuyển đổi một sản phẩm liên quan thành một sản phẩm liên quan khác (mã HS mới theo Phụ lục I của EUDR) và đưa sản phẩm vào thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu sản phẩm đó ra

⁴ Quy định (EU) 952/2013 của Nghị viện châu Âu và Hội đồng châu Âu ngày 9/10/2013 quy định về mã hải quan Liên minh (Công báo số OJ L 269, 10.10.2013, p. 1).

- khỏi Liên minh là cá nhân, tổ chức ở giai đoạn sau của chuỗi cung ứng.
- Đối với hàng hóa hoặc sản phẩm liên quan được sản xuất **bên ngoài lãnh thổ Liên minh**:
 - Cá nhân, tổ chức được coi là nhà nhập khẩu khi hàng hóa hoặc sản phẩm được đưa vào làm thủ tục “thông quan để lưu thông tự do” theo quy định hải quan. Nhà nhập khẩu là một chủ thể được đề cập trong phần dữ liệu liên quan của tờ khai hải quan, nếu có:
 - "Nhà nhập khẩu" trong phần dữ liệu 13 04 000 000 (Phụ lục B của Quy định ủy quyền 2015/2446⁵)
 - Phần dữ liệu DE 3/15 trong công bố trước đó của Mô hình Dữ liệu Hải quan Liên minh (EUCDM)
 - "Người nhân hàng" ở Ô số 8 của Tài liệu hành chính tiêu chuẩn duy nhất
 - Trường hợp nhà nhập khẩu không được thành lập tại Liên minh, có sản phẩm được đưa vào làm thủ tục “thông quan để lưu thông tự do”, thì cá nhân hoặc tổ chức đầu tiên cung cấp sản phẩm liên quan trên thị trường Liên minh sẽ được coi là thể nhân hoặc pháp nhân chịu trách nhiệm, mặc dù không đáp ứng định nghĩa tại Điều 2(15) của EUDR nhưng vẫn phải tuân theo nghĩa vụ quy định cho cá nhân, tổ chức. Yêu cầu này bổ sung vào nghĩa vụ thông thường của một cá nhân, tổ chức được thành lập bên ngoài Liên minh nhằm đảm bảo luôn có một bên chịu trách nhiệm là cá nhân hoặc tổ chức được thành lập bên trong Liên minh.
 - Đối với các sản phẩm liên quan **được nhập khẩu** vào Liên minh, định nghĩa "cá nhân, tổ chức" không phụ thuộc vào sự thay đổi quyền sở hữu sản phẩm và các thỏa thuận hợp đồng khác. Trường hợp sản phẩm trong nước được đưa ra thị trường, cá nhân, tổ chức thường là bên sở hữu hàng hóa tại thời điểm bán, tuy nhiên điều này có thể phụ thuộc vào các trường hợp theo thỏa thuận hợp đồng cụ thể.
 - Đối với sản phẩm liên quan **được xuất khẩu** từ Liên minh, cá nhân, tổ chức thường là bên đóng vai trò là nhà xuất khẩu khi sản phẩm liên quan được đưa vào làm thủ tục xuất khẩu theo quy định của hải quan. Nhà xuất khẩu được đề cập trong các phần dữ liệu liên quan của tờ khai hải quan, nếu có:
 - “nhà xuất khẩu” trong phần dữ liệu 13 01 000 000 (Phụ lục B của Quy định ủy quyền 2015/2446);
 - Phần dữ liệu DE 3/1 trong bản công bố trước đó của Mô hình dữ liệu hải quan Liên minh (EUCDM);
 - “Người gửi hàng/Nhà xuất khẩu” trong Ô số 2 của Tài liệu hành chính tiêu chuẩn.

Vai trò của các cá nhân, tổ chức được giải thích cụ thể hơn thông qua các kịch bản được nêu tại Phụ lục I của Tài liệu Hướng dẫn này.

3. NGÀY HIỆU LỰC VÀ THỜI GIAN ÁP DỤNG

Quy định pháp luật liên quan: EUDR – Điều 1(2) – Đối tượng và phạm vi áp dụng; Điều 37 – Bãi bỏ; Điều 38 – Hiệu lực và thời gian áp dụng

EUDR có hiệu lực vào ngày 29/6/2023. Hầu hết các nghĩa vụ đối với các cá nhân, tổ chức và đơn vị thương mại, cũng như đối với các cơ quan có thẩm quyền, bao gồm các quy định tại các Điều từ 3 đến 13, các Điều từ 16 đến 24, các Điều 26, 31 và 32, sẽ được áp dụng từ **ngày 30/12/2024**.

Đối với các cá nhân, tổ chức là **doanh nghiệp siêu nhỏ hoặc doanh nghiệp nhỏ** được thành lập trước ngày 31/12/2020 (theo quy định tương ứng tại Điều 3(1) hoặc 3(2) của Chỉ thị 2013/34/EU) thì các nghĩa vụ được quy định tại các Điều từ 3 đến 13, 16 đến 24, và các Điều 26, 31 và 32 sẽ được áp dụng từ **ngày 30/6/2025**, ngoại trừ các sản phẩm được quy định tại Phụ lục của Quy định 995/2010 về nghĩa vụ của các cá nhân, tổ

⁵ Quy định ủy quyền của Liên minh châu Âu (EU) 2015/2446 ngày 28/7/2015 bổ sung Quy định (EU) 952/2013 của Nghị viện châu Âu và Hội đồng châu Âu về các quy tắc chi tiết liên quan đến các điều khoản cụ thể của Bộ luật hải quan Liên minh

chức đưa gỗ và sản phẩm gỗ vào thị trường Liên minh⁶ (EUTR). Quy định này tạo ra một giai đoạn chuyển tiếp kể từ thời điểm EUDR có hiệu lực (ngày 29/6/2023) đến thời điểm EUDR được áp dụng (ngày 30/12/2024, và ngày 30/6/2025 đối với doanh nghiệp siêu nhỏ hoặc doanh nghiệp nhỏ được thành lập trước ngày 31/12/2020) nhằm miễn trừ các nghĩa vụ chính của EUDR trong giai đoạn này cho các cá nhân, tổ chức và đơn vị thương mại đưa sản phẩm vào hoặc cung cấp sản phẩm vào thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu từ Liên minh các hàng hóa và sản phẩm liên quan .

Các quy tắc sau đây áp dụng cho tất cả các hàng hóa và sản phẩm liên quan trừ gỗ và sản phẩm gỗ được quy định tại Phụ lục của EUTR:

- Nếu hàng hóa và sản phẩm liên quan được đưa vào thị trường Liên minh trong thời gian chuyển tiếp áp dụng cho cá nhân, tổ chức tương ứng thì các nghĩa vụ theo quy định của EUDR không áp dụng cho cá nhân, tổ chức đó.
- Ngoài ra, bất kỳ sản phẩm liên quan được đưa vào thị trường Liên minh hoặc được cung cấp trên thị trường Liên minh sau thời điểm áp dụng EUDR mà được sản xuất hoàn toàn từ các mặt hàng hoặc sản phẩm được đưa vào thị trường Liên minh trong thời gian chuyển tiếp sẽ không phải tuân theo các nghĩa vụ của EUDR. Việc miễn trừ này cũng áp dụng cho **các cá nhân, tổ chức là doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ** (trước ngày 30/6/2025), trong trường hợp các cá nhân, tổ chức này đưa sản phẩm vào thị trường Liên minh hoặc cung cấp sản phẩm trên thị trường Liên minh, và mở rộng áp dụng cho các cá nhân, tổ chức, đơn vị thương mại có quy mô vừa và lớn ở giai đoạn sau của chuỗi cung ứng đang kinh doanh các sản phẩm này hoặc các sản phẩm phái sinh của chúng.
- Trong các trường hợp được mô tả ở trên, nghĩa vụ của các cá nhân, tổ chức trong giai đoạn sau của chuỗi cung ứng (hoặc các đơn vị thương mại cung cấp sản phẩm liên quan sẵn có đã được đưa vào thị trường Liên minh trong giai đoạn chuyển tiếp) sẽ giới hạn ở việc thu thập bằng chứng đủ sức thuyết phục và có thể xác minh để chứng minh rằng sản phẩm liên quan ban đầu đã được đưa vào thị trường trước thời điểm áp dụng EUDR.
- Đối với **các bộ phận của sản phẩm phái sinh liên quan** đã được sản xuất cùng với các sản phẩm liên quan khác được đưa vào thị trường từ ngày 30/12/2024 (hoặc ngày 30/6/2025 bởi các doanh nghiệp siêu nhỏ hoặc nhỏ), các cá nhân, tổ chức ở giai đoạn sau của chuỗi cung ứng đưa sản phẩm vào thị trường và các đơn vị thương mại phải tuân thủ các nghĩa vụ tiêu chuẩn theo quy định của EUDR mặc dù một số bộ phận khác của sản phẩm có thể rơi vào giai đoạn chuyển tiếp.

Theo quy định tại **Điều 1(2) của EUDR**, EUDR không áp dụng nếu các sản phẩm liên quan **được sản xuất** trước ngày 29/6/2023. Thời gian và địa điểm sản xuất đề cập đến ngày sản xuất và địa điểm sản xuất của hàng hóa liên quan, điều này áp dụng cho cả hàng hóa và các sản phẩm phái sinh. Trong hầu hết các trường hợp, ngày sản xuất sẽ là thời điểm khai thác hoặc thu hoạch, ngoại trừ **các sản phẩm gia súc** thì thời gian sản xuất bắt đầu từ ngày gia súc được sinh ra.

Đối với **gỗ và sản phẩm gỗ** theo định nghĩa tại Điều 2(a) của EUTR, quy định đặc biệt được áp dụng, theo quy định tại Điều 37(3) của EUDR:

Đối với gỗ và sản phẩm gỗ được sản xuất trước ngày 29/6/2023 và:

- được đưa vào thị trường Liên minh trước ngày 30/12/2024, phải tuân thủ các quy định của EUTR;
 - được đưa vào thị trường Liên minh từ ngày 30/12/2024 đến ngày 31/12/2027, phải tuân thủ EUTR;
 - được đưa vào thị trường Liên minh từ ngày 31/12/2027, các sản phẩm đó phải tuân thủ Điều 3 của EUDR.
- Đối với gỗ và sản phẩm gỗ được sản xuất từ ngày 29/6/2023 đến ngày 30/12/2024 và:
 - được đưa vào thị trường Liên minh trước ngày 30/12/2024, các sản phẩm đó phải tuân thủ các

⁶ Công báo số OJ L 295, 12.11.2010, p. 23–34, ELI: <http://data.europa.eu/eli/reg/2010/995/oj>

- o quy định của EUTR;
 - o được đưa vào thị trường Liên minh từ ngày 30/12/2024, các sản phẩm đó phải tuân thủ các quy định của EUDR.
- Gỗ và sản phẩm gỗ được sản xuất từ ngày 30/12/2024 phải tuân thủ các quy định của EUDR.

4. TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH VÀ ĐỊNH NGHĨA “RỦI RO KHÔNG ĐÁNG KỂ”

Quy định pháp luật liên quan: EUDR – Điều 2(26) - Định nghĩa; Điều 4 – Nghĩa vụ của các cá nhân, tổ chức; Điều 8 – Trách nhiệm Giải Trình; Điều 9 – Yêu cầu về thông tin; Điều 10 – Đánh giá rủi ro.

Theo quy định tại Điều 4(1) của EUDR, các cá nhân, tổ chức phải thực hiện trách nhiệm giải trình theo quy định tại Điều 8 của EUDR trước khi đưa vào thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu từ Liên minh các sản phẩm liên quan nhằm chứng minh rằng các sản phẩm liên quan tuân thủ quy định tại Điều 3 của EUDR. Để thực hiện trách nhiệm giải trình, và theo quy định tại Điều 12(1) của EUDR, các cá nhân, tổ chức phải thiết lập và cập nhật một khung các quy trình và biện pháp – gọi là hệ thống trách nhiệm giải trình – để thực hiện trách nhiệm giải trình theo quy định tại Điều 8 của EUDR nhằm đảm bảo rằng các sản phẩm liên quan được đưa vào thị trường Liên minh hoặc được xuất khẩu từ Liên minh tuân thủ quy định tại Điều 3 của EUDR. Các cá nhân, tổ chức có trách nhiệm kiểm tra và phân tích kỹ lưỡng các hoạt động kinh doanh của chính đơn vị mình, bao gồm thu thập thông tin liên quan, phân tích thông tin và – nếu cần thiết – áp dụng các biện pháp giảm thiểu rủi ro, trừ khi rủi ro không tuân thủ được đánh giá là không đáng kể. Việc thu thập thông tin, phân tích rủi ro và giảm thiểu rủi ro phải có mối quan hệ nhân quả và phải phản ánh các đặc điểm của hoạt động kinh doanh của cá nhân, tổ chức và các đặc điểm của chuỗi cung ứng.

Các cá nhân, tổ chức phải nêu cụ thể các tiêu chí đánh giá rủi ro theo quy định tại Điều 10(2) đối với các sản phẩm liên quan mà cá nhân, tổ chức dự định đưa vào thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu từ Liên minh. Do đó, các tiêu chí đánh giá rủi ro phải được điều chỉnh phù hợp với các sản phẩm liên quan họ dự định đưa vào thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu từ Liên minh.

a) Đánh giá rủi ro

Các yêu cầu về trách nhiệm giải trình theo quy định tại Điều 8 của EUDR yêu cầu cá nhân, tổ chức phải:

- thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu về các sản phẩm liên quan thuộc phạm vi của EUDR từ mỗi nhà cung ứng cụ thể (được liệt kê tại Phụ lục I) theo quy định tại Điều 8 và 9 của EUDR,
- xác minh và phân tích thông tin thu thập được cùng với các thông tin về bối cảnh khác và trên cơ sở đó, tiến hành đánh giá rủi ro theo quy định tại Điều 10 của EUDR, và
- áp dụng các biện pháp giảm thiểu rủi ro theo quy định tại Điều 11 của EUDR, trừ khi đánh giá rủi ro thực hiện theo quy định tại Điều 10 của EUDR kết luận rằng không có rủi ro hoặc chỉ có rủi ro không đáng kể về việc các sản phẩm liên quan không tuân thủ.

Điều 9(1) của EUDR quy định cụ thể thông tin liên quan đến sản phẩm phải được đánh giá, bao gồm thông tin cụ thể về sản phẩm và chuỗi cung ứng của sản phẩm. Điều 10(2) của EUDR xác định các thông tin bổ sung về bối cảnh cần thiết để đánh giá mức độ rủi ro, chẳng hạn như hiện trạng rừng tại quốc gia sản xuất.

Nếu sản phẩm được sản xuất bằng hàng hóa có nguồn gốc từ nhiều nguồn hoặc nhiều vị trí địa lý thì cần phải đánh giá rủi ro cho từng nguồn gốc hoặc từng vị trí địa lý.

Dựa trên thông tin thu thập được, phải thực hiện việc phân tích các rủi ro đã xác định một cách chính xác và phải xác định được danh mục các loại rủi ro và các biện pháp giảm thiểu rủi ro liên quan. Mức độ rủi ro chỉ có thể được các đơn vị kinh doanh đánh giá theo từng trường hợp cụ thể do mức độ rủi ro phụ thuộc vào

một số yếu tố.

Có nhiều cách khác nhau để thực hiện đánh giá rủi ro, tuy nhiên cá nhân, tổ chức phải đánh giá dựa trên các tiêu chí được quy định tại Điều(2) 10 đối với từng sản phẩm liên quan. Việc này bao gồm giải quyết các câu hỏi và cân nhắc sau:

Sản phẩm được sản xuất ở đâu?

Mức độ rủi ro ấn định cho quốc gia sản xuất hoặc các vùng trong quốc gia sản xuất đó là bao nhiêu, theo quy định tại Điều 29⁷? Tỷ lệ che phủ rừng là bao nhiêu và tỷ lệ suy thoái rừng hoặc mất rừng ở quốc gia sản xuất hoặc các vùng trong quốc gia sản xuất đó là như thế nào? Tỷ lệ sản xuất bất hợp pháp hàng hóa liên quan trong quốc gia sản xuất/các vùng trong quốc gia sản xuất đó cao đến mức nào?

Rủi ro cụ thể của sản phẩm là gì?

Có sự khác biệt đáng kể về cách thức sản xuất các sản phẩm liên quan khác nhau được quy định tại Phụ lục I của EUDR, điều này sẽ ảnh hưởng đến rủi ro không tuân thủ. Ví dụ, một số sản phẩm có chứa nguyên liệu được sản xuất tại hàng trăm vị trí địa lý khác nhau, hoặc trải qua các quá trình hóa học hoặc vật lý quan trọng trong quá trình sản xuất.

Chuỗi cung ứng có phức tạp không?

Xem Mục 5 để tìm hiểu thêm về khái niệm “tính phức tạp của chuỗi cung ứng”.

Có dấu hiệu nào cho thấy doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng tham gia vào các hành vi bất hợp pháp, gây mất rừng hoặc suy thoái rừng không?

Nếu các hàng hóa hoặc sản phẩm liên quan được mua từ doanh nghiệp có liên quan đến các hành vi bất hợp pháp, gây mất rừng hoặc làm suy thoái rừng, nguy cơ sản phẩm không tuân thủ sẽ cao hơn. Có bất kỳ mối quan ngại có căn cứ được đệ trình liên quan đến các doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng theo quy định tại Điều 31 không? Có doanh nghiệp nào trong chuỗi cung ứng vi phạm pháp luật liên quan⁸ và bị cơ quan nhà nước xử phạt không?

Có bất kỳ thông tin bổ sung nào sẵn có về tính tuân thủ EUDR của các doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng từ các cơ chế chứng nhận và xác minh của bên thứ ba không?

Xem Mục 10 để tìm hiểu thêm về vai trò của các cơ chế xác minh của bên thứ ba.

Các sản phẩm liên quan có được sản xuất tuân thủ quy định pháp luật liên quan của quốc gia sản xuất không?

Quy định pháp luật liên quan của quốc gia sản xuất được quy định tại Điều 2(40) của EUDR. Xem Mục 6 để biết thêm thông tin về các yêu cầu liên quan đến tính hợp pháp.

Có mối quan ngại nào liên quan đến quốc gia sản xuất và quốc gia xuất xứ hoặc các vùng trong quốc gia đó không, chẳng hạn như mức độ tham nhũng, tình trạng phổ biến của việc làm giả tài liệu và dữ liệu, thiếu sót trong thực thi pháp luật, vi phạm nhân quyền quốc tế, xung đột vũ trang hoặc tình trạng phổ biến của các lệnh trừng phạt do Hội đồng bảo an Liên hợp quốc hoặc Hội đồng Liên minh châu Âu áp đặt?

⁷ Lưu ý rằng nếu không có mức độ rủi ro cụ thể nào được ấn định thì các quốc gia được coi là rủi ro tiêu chuẩn.

⁸ Các vi phạm liên quan đến bất hợp pháp, gây mất rừng và suy thoái rừng.

Những mối quan ngại này có thể làm suy giảm độ tin cậy của một số tài liệu chứng minh mức độ tuân thủ quy định pháp luật hiện hành. Do đó, cần xem xét mức độ tham nhũng của quốc gia, chỉ số rủi ro kinh doanh và các chỉ số liên quan khác.

Nhà cung ứng có thể cung cấp tất cả tài liệu chứng minh sự tuân thủ quy định pháp luật hiện hành không và có thể xác minh ngay lập tức các tài liệu đó không?

Nếu tất cả tài liệu liên quan được cung cấp và có sẵn theo yêu cầu của cá nhân, tổ chức thì có nhiều khả năng là chuỗi cung ứng được thiết lập tốt và nhà cung ứng hiểu rõ các yêu cầu của EUDR.

b) Rủi ro không đáng kể

Khái niệm rủi ro không đáng kể theo Điều 2(26) của EUDR được hiểu là, dựa trên việc đánh giá đầy đủ thông tin chung và thông tin cụ thể về sản phẩm theo quy định tại Điều 10 của EUDR và, khi cần thiết, việc áp dụng các biện pháp giảm thiểu rủi ro phù hợp theo quy định tại Điều 11 của EUDR, không có lý do để lo ngại các hàng hóa hoặc sản phẩm không tuân thủ Điều 3(a) của EUDR về (không gây mất rừng) hoặc Điều 3(b) (được sản xuất hợp pháp phù hợp với quy định pháp luật liên quan của quốc gia sản xuất).

Điều 10(2) của EUDR quy định danh sách bao gồm nhưng không giới hạn các tiêu chí đánh giá rủi ro; cá nhân, tổ chức có thể chọn áp dụng các tiêu chí khác nếu những tiêu chí này giúp xác định khả năng một hàng hóa hoặc sản phẩm liên quan được sản xuất bất hợp pháp hoặc gây phá rừng, hoặc nếu tiêu chí đó giúp chứng minh việc sản xuất là hợp pháp hoặc không gây phá rừng.

Theo quy định tại Điều 13 của EUDR, các cá nhân, tổ chức là DNNVV hoặc không phải là DNNVV có nguồn cung ứng từ các quốc gia rủi ro thấp không bắt buộc phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 10 và 11 của EUDR để đạt được rủi ro không đáng kể sau khi đã xác nhận rằng tất cả hàng hóa và sản phẩm liên quan mà các cá nhân, tổ chức này đưa vào thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu từ Liên minh đã được sản xuất tại các quốc gia hoặc các vùng trong quốc gia được phân loại là rủi ro thấp theo quy định tại Điều 29 của EUDR⁹. Tuy nhiên, các bước được quy định tại Điều 10 và 11 của EUDR sẽ được áp dụng nếu cá nhân, tổ chức có nguồn cung ứng từ quốc gia rủi ro thấp có được hoặc biết được bất kỳ thông tin nào chỉ ra rủi ro không tuân thủ hoặc rủi ro vi phạm pháp luật, xem Điều 13(2) của EUDR.

Đối với các cá nhân, tổ chức không phải là DNNVV trong giai đoạn sau của chuỗi cung ứng, việc đơn giản hóa thực hiện trách nhiệm giải trình theo quy định tại Điều 4(9) của EUDR cũng có thể được áp dụng, nghĩa là các tổ chức không phải DNNVV trong trường hợp này chỉ cần xác nhận rằng đã thực hiện trách nhiệm giải trình một cách phù hợp ở giai đoạn trước của chuỗi cung ứng. Việc xác nhận rằng đã thực hiện trách nhiệm giải trình một cách phù hợp không nhất thiết có nghĩa là phải kiểm tra một cách có hệ thống mọi tuyên bố trách nhiệm giải trình đã được nộp ở giai đoạn trước. Ví dụ, tổ chức không phải là DNNVV ở giai đoạn sau của chuỗi cung ứng có thể xác minh rằng cá nhân, tổ chức ở giai đoạn trước của chuỗi cung ứng có hệ thống trách nhiệm giải trình đang hoạt động và được cập nhật, bao gồm các chính sách, biện pháp kiểm soát và quy trình, thủ tục phù hợp và đầy đủ nhằm giảm thiểu và quản lý hiệu quả các rủi ro không tuân thủ của các sản phẩm liên quan, để đảm bảo rằng trách nhiệm giải trình được thực hiện đúng cách và thường xuyên.

Trong trường hợp đánh giá rủi ro và hoạt động giảm thiểu rủi ro kết luận rằng bất kỳ tiêu chí rủi ro nào chỉ ra mức độ rủi ro đáng kể thì sản phẩm đó được coi là có rủi ro đáng kể, do đó cá nhân, tổ chức liên quan không được phép đưa sản phẩm đó vào thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu từ Liên minh.

⁹ Theo quy định tại Điều 29(2) của EUDR, Ủy ban sẽ đưa ra danh sách các quốc gia hoặc các vùng trong quốc gia là rủi ro thấp hay rủi ro cao thông qua các quy định hướng dẫn thực thi.

c) Vai trò của các đơn vị thương mại là DNNVV và không phải là DNNVV

Theo quy định tại Điều 2(17) của EUDR, đơn vị thương mại là bất kỳ thể nhân nào, ngoài cá nhân, tổ chức, trong chuỗi cung ứng, cung cấp sản phẩm liên quan trên thị trường trong quá trình thực hiện hoạt động thương mại.

Việc một đơn vị thương mại có phải thực hiện trách nhiệm giải trình hay không phụ thuộc vào việc đơn vị thương mại đó có phải là DNNVV hay không, được xác định theo các tiêu chí theo quy định tại Điều 3 của Chỉ thị 2013/34/EU của Nghị viện châu Âu và Hội đồng châu Âu, xem Điều 2(30) của EUDR.

Nếu đơn vị thương mại không phải là DNNVV thì theo quy định tại Điều 5(1) của EUDR, các nghĩa vụ và điều khoản dành cho các tổ chức không phải là DNNVV sẽ được áp dụng, nghĩa là đơn vị thương mại không phải là DNNVV phải xác nhận rằng họ đã thực hiện trách nhiệm giải trình ở giai đoạn trước đó (xem phía trên).

Đối với đơn vị thương mại là DNNVV, các nghĩa vụ áp dụng được quy định tại các Khoản từ 2 đến 6 Điều 5 của EUDR. Các đơn vị thương mại là DNNVV chỉ được cung cấp các sản phẩm liên quan trên thị trường Liên minh nếu họ xuất trình được thông tin theo quy định tại Điều 5(3), chủ yếu là thông tin về danh tính của các nhà cung cấp, khách hàng doanh nghiệp và số tham chiếu của các Tuyên bố Trách nhiệm Giải trình liên quan đến các sản phẩm. Đơn vị thương mại là DNNVV không cần phải thực hiện trách nhiệm giải trình và không cần xác nhận rằng đã thực hiện trách nhiệm giải trình ở giai đoạn trước đó. Nghĩa vụ của đơn vị thương mại là DNNVV là duy trì khả năng truy xuất nguồn gốc của các sản phẩm liên quan, nghĩa là phải thu thập, lưu giữ và cung cấp thông tin cho các cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu để chứng minh sự tuân thủ.

d) Mối quan hệ với Chỉ thị về Trách nhiệm giải trình tính bền vững của doanh nghiệp (Corporate Sustainability Due Diligence Directive)

Chỉ thị 2024/1760 về trách nhiệm giải trình tính bền vững của doanh nghiệp¹⁰ (Corporate Sustainability Due Diligence Directive - CSDDD) thiết lập một khuôn khổ chung liên quan đến nhiều ngành nhằm thực hiện trách nhiệm giải trình về tính bền vững là một yêu cầu đối với các doanh nghiệp quy mô lớn bên trong và bên ngoài Liên minh. EUDR đưa ra một khuôn khổ chuyên ngành liên quan đến mất rừng về một số khía cạnh cụ thể của trách nhiệm giải trình đối với một số sản phẩm nhất định. CSDDD và EUDR có phạm vi khác nhau nhưng bổ sung cho nhau, và cả hai đều phải được áp dụng theo cách thống nhất để đảm bảo việc thực hiện trách nhiệm giải trình hiệu quả. Trong phạm vi xung đột, nếu các quy tắc trách nhiệm giải trình cụ thể theo quy định của EUDR xung đột với các quy tắc chung của CSDDD thì các điều khoản của EUDR (luật chuyên ngành – *lex specialis*) sẽ được ưu tiên hơn các nguyên tắc chung của CSDDD (*luật chung – lex generalis*), miễn là các điều khoản của EUDR quy định các nghĩa vụ rộng hơn hoặc cụ thể hơn nhằm theo đuổi mục tiêu chung. Quy tắc này được quy định tại Điều 1(3) của CSDDD và tuân theo các nguyên tắc của pháp luật Liên minh, trong đó ưu tiên *luật chuyên ngành* hơn *luật chung* trong những trường hợp như vậy.

5. LÀM RÕ SỰ PHỨC TẠP CỦA CHUỖI CUNG ỨNG¹

Quy định pháp luật liên quan: EUDR – Điều 8 – Trách nhiệm giải trình; Điều 9 – Yêu cầu thông tin; Điều 10 – đánh giá rủi ro; Điều 11 – Giảm nhẹ rủi ro

‘Sự phức tạp của chuỗi cung ứng sản phẩm’ là một tiêu chí đánh giá rủi ro được quy định rõ ràng tại Điều 10(2)(i) của EUDR và do đó là một nội dung của đánh giá và giảm thiểu rủi ro trong quy trình thực hiện trách nhiệm giải trình. Đây cũng là một trong những tiêu chí đánh giá và giảm thiểu rủi ro nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định về trách nhiệm giải trình theo Điều 10 và 11 của EUDR.

¹⁰ Chỉ thị (EU) 2024/1760 của Nghị viện châu Âu và Hội đồng châu Âu ngày 13/6/2024 về trách nhiệm giải trình tính bền vững của doanh nghiệp và Chỉ thị sửa đổi (EU) 2019/1937 và Quy định (EU) 2023/2859, Công báo số OJ L, 2024/1760, 5.7.2024, ELI: <http://data.europa.eu/eli/dir/2024/1760/oj>

Tiêu chí này dựa trên cơ sở rằng việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm liên quan đến quốc gia sản xuất và các lô đất nơi hàng hóa được nuôi, trồng có thể trở nên khó khăn hơn trong trường hợp chuỗi cung ứng phức tạp, đây cũng là yếu tố có thể làm tăng rủi ro không tuân thủ. Sự thiếu nhất quán của các thông tin và dữ liệu liên quan cũng như những khó khăn trong quá trình thu thập thông tin cần thiết tại bất kỳ điểm nào trong chuỗi cung ứng có thể làm tăng rủi ro xuất hiện các mặt hàng hoặc sản phẩm không tuân thủ trong chuỗi cung ứng. Yếu tố chính cần xem xét là mức độ có thể truy xuất nguồn gốc của các hàng hóa liên quan trong một sản phẩm liên quan đến tận lô đất nơi hàng hóa được nuôi, trồng.

Sự phức tạp của chuỗi cung ứng thường tỷ lệ thuận với số lượng các nhà chế biến và các bên trung gian giữa các lô đất tại quốc gia sản xuất và các cá nhân, tổ chức hoặc đơn vị thương mại. Mức độ phức tạp này có thể tăng lên khi một sản phẩm mới được sản xuất từ nhiều thành phần khác nhau, hoặc khi các hàng hóa liên quan được nhập khẩu từ nhiều quốc gia. Ngược lại, việc thực hiện trách nhiệm giải trình có thể trở nên đơn giản hơn trong các chuỗi cung ứng ngắn, và đây có thể là yếu tố giúp chứng minh rằng rủi ro không tuân thủ EUDR là không đáng kể, đặc biệt khi thực hiện trách nhiệm giải trình đơn giản hóa theo quy định tại Điều 13 của EUDR.

Nhằm đánh giá sự phức tạp của chuỗi cung ứng, các cá nhân, tổ chức hoặc đơn vị thương mại có thể xem xét một số câu hỏi (không đầy đủ) dưới đây khi đưa sản phẩm liên quan vào thị trường Liên minh hoặc cung cấp sản phẩm liên quan trên thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu các sản phẩm liên quan ra khỏi Liên minh:

- Có nhiều nhà chế biến và/hoặc các bước trong chuỗi cung ứng trước khi một sản phẩm liên quan cụ thể được đưa vào thị trường Liên minh hoặc được cung cấp trên thị trường Liên minh hoặc được xuất khẩu từ Liên minh không?
- Sản phẩm liên quan có chứa các hàng hóa được nuôi, trồng từ nhiều lô đất và/hoặc từ nhiều quốc gia sản xuất không?
- Sản phẩm liên quan có phải là sản phẩm đã qua chế biến sâu (có thể bao gồm nhiều thành phần khác) không?
- Đối với gỗ:
 - Sản phẩm có chứa gỗ từ nhiều loài cây khác nhau không?
 - Gỗ và/hoặc các sản phẩm từ gỗ đã được giao dịch qua nhiều quốc gia chưa?
 - Sản phẩm đã qua chế biến có được xử lý hoặc sản xuất tại các quốc gia thứ ba trước khi được đưa vào thị trường Liên minh hoặc cung cấp trên thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu từ thị trường Liên minh không?

6. TÍNH HỢP PHÁP

Quy định pháp luật liên quan: EUDR – Điều 2(40) – Các định nghĩa và Điều 3(b) – Cấm

Theo quy định tại Điều 3 của EUDR, các hàng hóa và sản phẩm liên quan chỉ được phép đưa vào thị trường Liên minh hoặc cung cấp trên thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu ra khỏi Liên minh nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- a) các sản phẩm và hàng hóa liên quan không gây mất rừng;
- b) các sản phẩm và hàng hóa liên quan được sản xuất tuân thủ quy định pháp luật của quốc gia sản xuất, và
- c) các sản phẩm và hàng hóa liên quan được đảm bảo bằng một Tuyên bố Trách nhiệm Giải trình (DDS).

Mỗi sản phẩm liên quan phải đáp ứng **riêng biệt và độc lập cả ba tiêu chí này**; nếu không, các cá nhân, tổ chức và đơn vị thương mại không phải là DNNVV sẽ không được phép đưa ra hoặc cung cấp các sản phẩm này trên thị trường, cũng như xuất khẩu chúng.

a) Quy định pháp luật liên quan của quốc gia sản xuất

Cơ sở để xác định một hàng hóa hoặc sản phẩm liên quan có được sản xuất tuân thủ quy định pháp luật của quốc gia sản xuất hay không là các quy định pháp luật tại quốc gia nơi hàng hóa đó, hoặc trong trường hợp sản phẩm là nơi các hàng hóa có trong sản phẩm đó được trồng, khai thác, thu hoạch trên các lô đất liên quan hoặc được nuôi tại các cơ sở chăn nuôi, đối với gia súc.

EUDR áp dụng cách tiếp cận linh hoạt khi chỉ liệt kê các lĩnh vực pháp luật mà không chỉ rõ luật cụ thể, do quy định pháp luật khác nhau giữa các quốc gia và khả năng sửa đổi, bổ sung thường xuyên. Tuy nhiên, chỉ các luật liên quan đến **tình trạng pháp lý của khu vực sản xuất** mới được coi là quy định pháp luật liên quan theo quy định tại Điều 2(40) của EUDR. Điều này có nghĩa là sự liên quan của các quy định pháp luật về tính hợp pháp theo quy định tại Điều 3(b) của EUDR không chỉ dựa trên việc áp dụng chúng trong quá trình sản xuất hàng hóa hoặc trong chuỗi cung ứng các sản phẩm và hàng hóa liên quan, mà còn dựa trên mức độ tác động hoặc ảnh hưởng cụ thể của các quy định pháp luật đối với tình trạng pháp lý của khu vực nơi hàng hóa được nuôi, trồng.

Ngoài ra, Điều 2(40) của EUDR cần được hiểu trong bối cảnh các mục tiêu của EUDR, như đã nêu tại Điều 1(1)(a) và (b) của EUDR, nghĩa là quy định pháp luật cũng được cho là có liên quan nếu nội dung của quy định pháp luật đó có thể liên quan đến việc ngăn chặn tình trạng mất rừng và suy thoái rừng, phù hợp với các cam kết của Liên minh trong giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu và mất đa dạng sinh học.

Các điểm từ (a) đến (h) của Điều 2(40) của EUDR giải thích rõ hơn về các quy định pháp luật liên quan này. Sau đây là một số ví dụ minh họa (bao gồm nhưng không giới hạn):

- *Quyền sử dụng đất*, bao gồm quy định pháp luật về khai thác, thu hoạch, sản xuất trên đất hoặc quy định pháp luật về quản lý đất đai, như:
 - quy định về chuyển nhượng đất, đặc biệt là đất nông nghiệp hoặc rừng
 - quy định về giao dịch cho thuê đất
- *Bảo vệ môi trường*, quy định pháp luật liên quan đến việc ngăn chặn mất rừng và suy thoái rừng, giảm phát thải khí nhà kính hoặc bảo tồn đa dạng sinh học, chẳng hạn như:
 - quy định về khu bảo tồn
 - quy định về bảo vệ và phục hồi thiên nhiên
 - quy định về bảo tồn động vật hoang dã và đa dạng sinh học
 - quy định về loài có nguy cơ tuyệt chủng
 - quy định về phát triển đất đai
- *Quy định liên quan đến rừng*, bao gồm quản lý rừng và bảo tồn đa dạng sinh học, nếu liên quan trực tiếp đến khai thác gỗ, chẳng hạn như:
 - quy định về bảo vệ rừng và quản lý rừng bền vững
 - quy định về ngăn chặn tình trạng phá rừng
 - quyền khai thác gỗ ở các khu vực hợp pháp
- *Quyền của bên thứ ba*, bao gồm quyền sử dụng và sở hữu đất bị ảnh hưởng do việc sản xuất các hàng hóa và sản phẩm liên quan, và quyền sử dụng đất truyền thống của các dân tộc bản địa và cộng đồng địa phương; có thể bao gồm ví dụ như quyền đăng ký đất đai hoặc quyền hưởng dụng.

- *Quyền lao động và quyền con người được bảo vệ theo luật pháp quốc tế, áp dụng cho người dân tại khu vực sản xuất các hàng hóa liên quan thuộc phạm vi điều chỉnh của EUDR, hoặc áp dụng cho người dân có quyền đối với khu vực sản xuất các hàng hóa hoặc sản phẩm liên quan, bao gồm quyền của các dân tộc bản địa và cộng đồng địa phương, nếu các quyền này được áp dụng hoặc được phản ánh trong các quy định pháp luật quốc gia tương ứng; ví dụ như quyền đối với đất đai, lãnh thổ và tài nguyên, quyền sở hữu, quyền liên quan đến các hiệp ước, thỏa thuận và các thỏa thuận mang tính xây dựng khác giữa các dân tộc bản địa và các quốc gia.*
- *Nguyên tắc "đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, được báo trước và thông tin đầy đủ" (FPIC), theo quy định trong Tuyên bố của Liên hợp quốc về quyền của các dân tộc bản địa. Có thể tìm hiểu thêm về hướng dẫn áp dụng nguyên tắc FPIC thông qua Văn phòng Cao ủy nhân quyền Liên hợp quốc, trong đó ghi nhận rằng các quốc gia phải đạt được sự đồng thuận và coi đó là mục tiêu của các cuộc tham vấn trước khi thực hiện bất kỳ hành động nào sau đây:*
 - *Triển khai các dự án ảnh hưởng đến quyền của các dân tộc bản địa đối với đất đai, lãnh thổ và tài nguyên, bao gồm khai thác mỏ và các hình thức sử dụng hoặc khai thác tài nguyên khác,*
 - *Di dời các dân tộc bản địa khỏi đất đai hoặc lãnh thổ của họ,*
 - *Hoàn trả hoặc đền bù thích hợp nếu đất đai đã bị tịch thu, chiếm dụng hoặc bị hư hại mà không có sự đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, được báo trước và thông tin đầy đủ của các dân tộc bản địa đã sở hữu đất đó.*
- *Quy định về thuế, chống tham nhũng, thương mại và hải quan.*
 - *Các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến chuỗi cung ứng khi vào hoặc ra khỏi thị trường Liên minh, nếu các quy định pháp luật này có liên quan cụ thể với các mục tiêu của EUDR, hoặc, trong trường hợp quy định pháp luật về thương mại và hải quan, nếu các quy định pháp luật này liên quan cụ thể đến các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp hoặc sản xuất gỗ.*

b) Trách nhiệm giải trình về tính hợp pháp

Các tổ chức, cá nhân cần nắm vững các quy định pháp luật hiện hành tại mỗi quốc gia cung cấp sản phẩm cho họ về tình trạng pháp lý của khu vực sản xuất. Các quy định này có thể bao gồm, nhưng không giới hạn ở:

- Luật pháp quốc gia và khu vực, bao gồm các văn bản hướng dẫn thực hiện luật,
- Luật pháp quốc tế, bao gồm các hiệp ước và thỏa thuận song phương hoặc đa phương, được áp dụng thông qua khung pháp luật của quốc gia sau khi được nội luật hóa và thực thi.

Theo quy định tại Điều 9(1)(h) của EUDR, cần thu thập các thông tin, bao gồm tài liệu và dữ liệu chứng minh sự tuân thủ quy định pháp luật hiện hành tại quốc gia sản xuất, như một phần của nghĩa vụ thực hiện trách nhiệm giải trình, bao gồm thông tin liên quan đến bất kỳ thỏa thuận nào về quyền sử dụng khu vực sản xuất hàng hóa liên quan. Việc có cần chứng nhận quyền sở hữu đất hay tài liệu khác liên quan hay không phụ thuộc vào quy định pháp luật của quốc gia sản xuất; nếu quy định pháp luật của quốc gia đó không yêu cầu chứng nhận quyền sở hữu đất để sản xuất và kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, thì EUDR cũng không yêu cầu.

Nghĩa vụ thu thập tài liệu hoặc thông tin khác phụ thuộc vào các cơ chế quản lý khác nhau của các quốc gia, vì không phải tất cả các quốc gia đều yêu cầu ban hành loại giấy tờ cụ thể. Do đó, nghĩa vụ này nên được hiểu bao gồm thu thập các tài liệu sau, nếu có:

- Các văn bản chính thức do các cơ quan thẩm quyền của quốc gia ban hành, chẳng hạn như các loại giấy phép hành chính,
- Các văn bản thể hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận, bao gồm các hợp đồng và thỏa thuận với các dân tộc

- bản địa hoặc cộng đồng địa phương,
- Thông tin bổ sung từ các tổ chức chứng nhận của khu vực công và khu vực tư hoặc các chương trình xác minh của bên thứ ba,
- Các quyết định của tòa án,
- Các báo cáo đánh giá tác động, kế hoạch quản lý, báo cáo đánh giá môi trường.

Ngoài ra, các tài liệu bổ sung sau đây cũng có thể hữu ích:

- Tài liệu về chính sách và quy tắc ứng xử của công ty/doanh nghiệp,
- Thỏa thuận trách nhiệm xã hội giữa các bên tư nhân và bên có quyền thứ ba,
- Báo cáo cụ thể về các khiếu nại và xung đột liên quan đến quyền sử dụng đất.

Thông tin, bao gồm tài liệu và dữ liệu, có thể được thu thập dưới dạng bản cứng hoặc bản điện tử.

Cần lưu ý rằng thông tin, bao gồm tài liệu và dữ liệu, được thu thập theo quy định tại Điều 9(1)(h) của EUDR cũng nhằm mục đích đánh giá rủi ro (theo quy định tại Điều 10 của EUDR) và không được coi là yêu cầu độc lập, trừ khi sản phẩm có nguồn gốc hoàn toàn từ các quốc gia rủi ro thấp hoặc các khu vực của quốc gia đó. Trong trường hợp sản phẩm có nguồn gốc hoàn toàn từ các quốc gia rủi ro thấp hoặc các khu vực của quốc gia đó¹¹, theo quy định tại Điều 13 của EUDR, các cá nhân, tổ chức là DNNVV và không phải là DNNVV chỉ cần thực hiện đánh giá rủi ro nếu cá nhân, tổ chức có được thông tin hoặc biết được thông tin cho thấy có rủi ro không tuân thủ hoặc rủi ro vi phạm quy định pháp luật.

Theo quy định tại Điều 10(1) của EUDR, thông tin thu thập phải được đánh giá tổng thể để đảm bảo khả năng truy xuất nguồn gốc và tuân thủ trong toàn bộ chuỗi cung ứng. Tất cả thông tin phải được phân tích và xác minh, nghĩa là các cá nhân, tổ chức phải có khả năng đánh giá nội dung và độ tin cậy của các tài liệu họ thu thập và hiểu được mối liên hệ giữa các thông tin khác nhau trong các tài liệu khác nhau. Thông thường, cá nhân, tổ chức cần kiểm tra những khía cạnh sau như là một phần của đánh giá:

- Tính nhất quán giữa tài liệu với thông tin sẵn có hay không,
- Nội dung chính xác mà mỗi tài liệu chứng minh,
- Cơ quan và hệ thống phát hành tài liệu (ví dụ như hệ thống kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền, cơ chế đánh giá độc lập, v.v.),
- Độ tin cậy và giá trị pháp lý của mỗi tài liệu, bao gồm khả năng tài liệu bị giả mạo hoặc ban hành bất hợp pháp.

Các cá nhân, tổ chức nên thực hiện các biện pháp phù hợp nhằm đảm bảo tính xác thực của các tài liệu thu thập được, tùy vào đánh giá tình hình chung tại quốc gia sản xuất. Về vấn đề này, các cá nhân, tổ chức cũng nên tính đến nguy cơ tham nhũng tại quốc gia đó (ví dụ như hối lộ, thông đồng hoặc gian lận). Có nhiều nguồn cung cấp thông tin chung sẵn có về mức độ tham nhũng tại một quốc gia hoặc các khu vực của quốc gia, chẳng hạn như Chỉ số nhận thức tham nhũng của Tổ chức minh bạch quốc tế, hoặc các chỉ số quốc tế tương tự khác được công nhận hoặc thông tin có liên quan¹².

Trong những trường hợp mà mức độ tham nhũng được coi là cao, có thể hiểu là các tài liệu không đáng tin cậy và có thể cần xác minh thêm. Khi đó, cần kiểm tra kỹ lưỡng các tài liệu vì có thể có lí do để nghi ngờ độ tin cậy của chúng.

Ngoài việc dựa vào các chỉ số quốc tế được công nhận, các cá nhân, tổ chức có thể kiểm tra các điều kiện

¹¹ Theo quy định tại Điều 29(2) của EUDR, Ủy ban châu Âu sẽ ban hành danh sách các quốc gia rủi ro thấp hoặc rủi ro cao hoặc các khu vực của các quốc gia đó thông qua các quy định thực thi.

¹² Để biết thêm chi tiết về việc sử dụng các chỉ số, xem Chương 4 của Thông báo của Ủy ban ngày 12/2/2016, C(2016)755 final (Tài liệu hướng dẫn thực hiện Quy định về gỗ của Liên minh châu Âu).

và các điểm yếu, bao gồm bằng chứng về hành vi tham nhũng trước đó, mà chỉ ra mức rủi ro cao hơn - và do đó đòi hỏi mức độ kiểm tra cao hơn. Các bằng chứng bổ sung này có thể bao gồm các kết quả xác minh bởi bên thứ ba (xem Mục 10 của Tài liệu hướng dẫn này), đánh giá độc lập hoặc đánh giá nội bộ, hoặc việc sử dụng các công nghệ/phương pháp khoa học theo dõi các sản phẩm liên quan mà có thể giúp phát hiện dấu hiệu tham nhũng hoặc vi phạm pháp luật.

Các cá nhân, tổ chức là DNNVV ở giai đoạn sau của chuỗi cung ứng có nghĩa vụ đảm bảo rằng trách nhiệm giải trình, bao gồm trách nhiệm giải trình về tính hợp pháp, đã được các cá nhân, tổ chức ở giai đoạn đầu của chuỗi cung ứng thực hiện, xem quy định tại Điều 4(9) của EUDR. Khi thu thập thông tin, tài liệu và dữ liệu cho mục đích thực hiện trách nhiệm giải trình, các cá nhân, tổ chức và đơn vị thương mại ở giai đoạn sau của chuỗi cung ứng cần phải tuân thủ các quy tắc về bảo vệ dữ liệu và cạnh tranh

7. PHẠM VI SẢN PHẨM

a) Làm rõ về vật liệu đóng gói và bao bì

Quy định pháp luật liên quan: EUDR – Điều 2 - Các định nghĩa; Phụ lục I của EUDR

Phụ lục I của EUDR đưa ra danh sách các hàng hóa và sản phẩm liên quan được phân loại trong *Danh pháp kết hợp*¹³ được quy định tại Phụ lục I của Quy định của Hội đồng châu Âu (EEC) số 2658/87.

Mã HS 4819 bao gồm: ‘*Thùng, hộp, vỏ chứa, túi xách và các loại bao bì đựng khác làm từ giấy, bìa, tấm xenlulo hoặc màng xơ sợi xenlulo; hộp đựng hồ sơ (files), khay thư và các vật phẩm tương tự bằng giấy hoặc bìa dùng cho văn phòng, cửa hàng hoặc những nơi tương tự.*’

- Nếu bất kỳ mặt hàng nào được liệt kê ở trên được đưa vào thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu từ Liên minh dưới dạng một sản phẩm riêng biệt theo đúng nghĩa, không phải là vật liệu đóng gói cho sản phẩm khác, thì mặt hàng đó thuộc phạm vi điều chỉnh của EUDR và do đó cần tuân thủ các nghĩa vụ được quy định trong EUDR.
- Nếu vật liệu đóng gói, được phân loại theo mã HS 4819, được sử dụng để "hỗ trợ, bảo vệ hoặc vận chuyển" sản phẩm khác thì vật liệu đóng gói đó không thuộc phạm vi điều chỉnh của EUDR.

Mã HS 4415 bao gồm: ‘*Hòm, hộp, thùng thưa, thùng hình trống và các loại bao bì tương tự làm từ gỗ; tang cuốn cáp bằng gỗ; giá kệ để kê hàng, giá để hàng kiểu thùng và các loại giá để hàng khác bằng gỗ; kệ có thể tháo lắp linh hoạt (pallet collars) bằng gỗ.*’

- Bất kỳ mặt hàng nào được liệt kê ở trên được đưa vào thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu từ Liên minh dưới dạng một sản phẩm riêng biệt theo đúng nghĩa đều thuộc phạm vi điều chỉnh của EUDR và do đó cần tuân thủ các nghĩa vụ theo quy định trong EUDR.
- Các mặt hàng thuộc mã HS 4415 nếu *chỉ* được sử dụng làm vật liệu đóng gói để hỗ trợ, bảo vệ hoặc vận chuyển sản phẩm khác được đưa vào thị trường thì không thuộc phạm vi điều chỉnh của EUDR.

Trong các mặt hàng này, có sự phân biệt giữa bao bì được coi là mang lại cho sản phẩm “đặc tính thiết yếu” và bao bì được định hình và lắp vào một sản phẩm liên quan nhưng không phải là một phần thiết yếu của sản phẩm. Quy tắc chung số 5 về cách diễn giải *Danh pháp kết hợp*¹⁴ làm rõ những khác biệt này, và các ví dụ được trình bày dưới đây. Tuy nhiên, sự phân biệt bổ sung này chỉ có thể áp dụng với một tỷ lệ nhỏ hàng hóa thuộc phạm vi của EUDR.

Tóm lại, các mặt hàng sau thuộc phạm vi điều chỉnh của EUDR:

- Vật liệu đóng gói được đưa vào thị trường Liên minh dưới dạng sản phẩm riêng biệt theo đúng nghĩa;
- Các hộp/thùng chứa mang lại cho sản phẩm “đặc tính thiết yếu”: ví dụ như hộp quà tặng trang trí.

Các mặt hàng sau không thuộc phạm vi điều chỉnh của EUDR:

- Vật liệu đóng gói được trình bày cùng với hàng hóa bên trong và chỉ được sử dụng nhằm hỗ trợ, bảo vệ hoặc vận chuyển sản phẩm khác;
- Sách hướng dẫn sử dụng đi kèm các lô hàng, trừ trường hợp sách đó được đưa vào thị trường Liên

¹³ Quy định của Hội đồng châu Âu (EEC) số 2658/87 ngày 23/7/1987 về danh mục thuế, thống kê theo danh pháp và Hệ thống thuế quan chung (Công báo số OJ L 256, 7.9.1987, p. 1)

¹⁴ Phần chú giải cho *Danh pháp kết hợp* của Liên minh châu Âu (Công báo số OJ C 119, 29.3.2019, p.1).

minh dưới dạng một sản phẩm riêng biệt theo đúng nghĩa

b) Làm rõ về chất thải và các sản phẩm tái chế

Quy định pháp luật liên quan: EUDR – Phần giới thiệu (40); Phụ lục I của EUDR; Chỉ thị 2008/98/EC – Điều 3(1)

Trong các hoạt động kinh doanh, các cá nhân, tổ chức và các đơn vị thương mại có thể phải tiếp cận các sản phẩm đã qua sử dụng và hết vòng đời, lẽ ra sẽ bị thải bỏ như chất thải. Chất thải được định nghĩa là một chất hoặc vật liệu mà thể nhân quản lý cần loại bỏ hoặc có ý định loại bỏ hoặc bắt buộc phải loại bỏ (theo Chỉ thị 2008/98/EC, Điều 3(1)). Những sản phẩm này không thuộc phạm vi điều chỉnh của EUDR. Điều này có nghĩa là các tổ chức, cá nhân và đơn vị thương mại được miễn trừ khỏi các nghĩa vụ của EUDR trong các trường hợp này.

Sự miễn trừ này áp dụng cho các hàng hóa được sản xuất hoàn toàn từ vật liệu đã hết vòng đời và lẽ ra sẽ bị loại bỏ như chất thải (ví dụ như gỗ tái chế từ các công trình bị phá dỡ hoặc các sản phẩm làm từ vỏ hạt cà phê).

Sự miễn trừ này **không** áp dụng cho:

Các sản phẩm phụ từ quá trình sản xuất mà vật liệu không được coi là chất thải, nghĩa là chất hoặc vật mà thể nhân quản lý không có ý định loại bỏ hoặc không bắt buộc phải loại bỏ.

Các sản phẩm chất thải được liệt kê trong Phụ lục I của EUDR (ví dụ như các sản phẩm thuộc mã HS 1802: vỏ quả, vỏ hạt, vỏ lụa và phế liệu cacao khác).

Câu hỏi 1: Mùn cưa và dăm gỗ là sản phẩm phụ của quá trình xẻ gỗ có thuộc phạm vi điều chỉnh của EUDR không?

Có. Mùn cưa và dăm gỗ thuộc mã HS 4401 và thuộc phạm vi điều chỉnh của EUDR vì mùn cưa và dăm gỗ có thể được sử dụng làm củi đốt và do đó chưa hoàn thành vòng đời của chúng. Tuy nhiên, nếu mùn cưa/dăm gỗ được sử dụng làm vật liệu đóng gói để hỗ trợ, bảo vệ hoặc vận chuyển sản phẩm khác thì không thuộc phạm vi điều chỉnh của EUDR.

Câu hỏi 2: Đồ nội thất làm từ gỗ tái chế sau khi phá dỡ công trình nhà ở có thuộc phạm vi điều chỉnh của EUDR không?

Không, nếu các sản phẩm này được làm hoàn toàn từ vật liệu tái chế đã hoàn thành vòng đời và lẽ ra sẽ bị loại bỏ như chất thải. Tuy nhiên, nếu sản phẩm chứa bất kỳ một lượng vật liệu không tái chế nào thì phần vật liệu đó sẽ thuộc phạm vi điều chỉnh của EUDR.

Câu hỏi 3: Sản phẩm giấy in và không in được sản xuất từ giấy tái chế có thuộc phạm vi điều chỉnh của EUDR không?

Không, nếu sản phẩm được làm hoàn toàn từ giấy tái chế. Tuy nhiên, nếu sản phẩm chứa bất kỳ một lượng bột giấy không tái chế nào thì phần vật liệu đó sẽ thuộc phạm vi điều chỉnh của EUDR.

Câu hỏi 4: Viên nén nhiên liệu làm từ bẹ quả rỗng hoặc vỏ hạt cọ dầu – phụ phẩm của quá trình chế biến dầu cọ - có thuộc phạm vi điều chỉnh của EUDR không?

Có. Bẹ quả rỗng và vỏ hạt cọ dầu, kể cả khi ở dạng viên nén, là các phụ phẩm cặn rắn của quá trình chiết xuất dầu cọ và được liệt kê dưới mã HS 2306 60 trong Phụ lục I của EUDR.

Câu hỏi 5: Các sản phẩm làm từ da gia súc tái chế có thuộc phạm vi điều chỉnh của EUDR không?

Không, sản phẩm được làm hoàn toàn từ da tái chế thì không thuộc phạm vi điều chỉnh của EUDR. Tuy nhiên, nếu sản phẩm chứa bất kỳ một lượng da nào không tái chế thì phần da đó sẽ thuộc phạm vi điều chỉnh của EUDR.

Câu hỏi 6: Bã cà phê đã qua sử dụng được dùng trong đồ vệ sinh cá nhân hoặc dùng làm phân bón thì có thuộc phạm vi điều chỉnh của EUDR không?

Không, nếu bã cà phê là chất thải từ các quán cà phê và lẽ ra sẽ bị loại bỏ.

Câu hỏi 7: Nếu các sản phẩm liên quan được sản xuất từ các hàng hóa không liên quan thì có thuộc phạm vi điều chỉnh của EUDR không?

Quy định của EUDR không áp dụng cho các sản phẩm được sản xuất từ các hàng hóa không liên quan, ngay cả khi những sản phẩm đó có cùng mã Danh pháp kết hợp như các sản phẩm liên quan được sản xuất từ các hàng hóa liên quan. Quy định của EUDR chỉ áp dụng cho các sản phẩm liên quan được sản xuất từ các hàng hóa liên quan.

Ví dụ:

Dầu cọ từ cây cọ dầu (*Elaeis guineensis*) thuộc phạm vi điều chỉnh của EUDR, nhưng dầu babassu từ cây *Attalea speciosa* thì không thuộc phạm vi điều chỉnh của EUDR.

Cao su từ cây *Hevea brasiliensis* thuộc phạm vi điều chỉnh của EUDR, nhưng balata, gutta-percha, guayule, chicle và các loại nhựa cây tự nhiên tương tự khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của EUDR, các sản phẩm từ cao su tổng hợp cũng không thuộc phạm vi điều chỉnh của EUDR.

Các sản phẩm gỗ thuộc phạm vi điều chỉnh của EUDR, nhưng các sản phẩm làm từ mây tre thì không.

8. DUY TRÌ HỆ THỐNG TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH

Quy định pháp luật liên quan: EUDR – Điều 12 – Thiết lập và duy trì hệ thống trách nhiệm giải trình, báo cáo và lưu trữ hồ sơ

Để thực hiện trách nhiệm giải trình theo quy định tại Điều 8 của EUDR, các cá nhân, tổ chức cần phải thiết lập và cập nhật một hệ thống ghi chép, phân tích, xác minh và báo cáo về các thủ tục và biện pháp (“hệ thống trách nhiệm giải trình”). Theo quy định của EUDR, mục đích của trách nhiệm giải trình là đạt được kết quả kỳ vọng bằng cách chứng minh sự tuân thủ của các quá trình trong hoạt động kinh doanh. Theo quy định tại Điều 12(2) của EUDR, các cá nhân, tổ chức phải **rà soát, đánh giá hệ thống trách nhiệm giải trình ít nhất một năm một lần** để đảm bảo rằng họ đang tuân thủ các thủ tục, quy trình áp dụng đối với họ, các quy trình hiện có đang được thực hiện hiệu quả và đang đạt được kết quả mong đợi. Ngoài ra, các cá nhân, tổ chức cần cập nhật hệ thống trách nhiệm giải trình nếu trong quá trình đánh giá hoặc tại một thời điểm bất kỳ nào khác họ nhận thấy những sự thay đổi có thể ảnh hưởng đến mục tiêu của hệ thống trách nhiệm giải trình, chẳng hạn như tính hiệu quả và tính toàn diện của các bước hoặc các quy trình trong hệ thống. Việc cập nhật hệ thống trách nhiệm giải trình phải được ghi chép và lưu trữ trong thời gian ít nhất 5 năm.

Việc đánh giá có thể được thực hiện bởi một nhân viên nội bộ (độc lập với những người thực hiện các quy trình, thủ tục) hoặc bởi một đơn vị bên ngoài. Việc đánh giá phải xác định các điểm yếu, sai sót hoặc vi phạm trong hệ thống và ban quản lý của cá nhân, tổ chức cần phải đặt ra thời hạn khắc phục.

Đối với việc thực hiện hệ thống trách nhiệm giải trình cho một sản phẩm liên quan, việc đánh giá cần kiểm tra xem có các quy trình, thủ tục được tài liệu hóa đối với, chẳng hạn như:

- Thu thập và ghi chép thông tin, dữ liệu và tài liệu cần thiết để chứng minh sự tuân thủ
- Đánh giá rủi ro một sản phẩm liên quan hoặc bất kỳ thành phần nào của sản phẩm có chứa các hàng hóa hoặc sản phẩm liên quan có liên quan đến mất rừng hoặc không được sản xuất tuân thủ quy định pháp luật liên quan của quốc gia sản xuất.
- Mô tả các hành động giải quyết đề xuất được thực hiện theo các mức độ rủi ro.

Việc đánh giá cũng cần kiểm tra hiểu biết về các bước cần thực hiện và năng lực thực hiện chuẩn xác của những người chịu trách nhiệm và rằng các biện pháp kiểm soát đã được thực hiện đầy đủ nhằm đảm bảo rằng quy trình có hiệu quả trên thực tế (nghĩa là xác định và loại trừ các sản phẩm liên quan có rủi ro không đáng kể về sự không tuân thủ). Để đảm bảo chất lượng của quá trình đánh giá, cần tài liệu hóa bằng chứng cho việc thực hiện đánh giá, các bước thực hiện và kết quả của đánh giá.

9. SẢN PHẨM HỖN HỢP

Quy định pháp luật liên quan: EUDR –Điều 4 –Nghĩa vụ của các cá nhân, tổ chức; Điều 9 – Các yêu cầu về thông tin; Điều 33 – Hệ thống thông tin

Những sản phẩm của các cá nhân, tổ chức và đơn vị thương mại được liệt kê tại Phụ lục I của EUDR, có thể bao gồm hoặc được sản xuất một phần từ các sản phẩm hoặc hàng hóa liên quan khác. Trên thực tế, những sản phẩm này đôi khi được gọi là "sản phẩm hỗn hợp" mặc dù đây không phải là thuật ngữ pháp lý được sử dụng trong EUDR.

EUDR quy định các nguyên tắc nhằm đảm bảo rằng các hàng hóa và sản phẩm liên quan có trong hoặc được sản xuất từ các sản phẩm liên quan phải được xác định rõ ràng trong quá trình thực hiện trách nhiệm giải trình của các cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 8 của EUDR. Nguyên tắc này nhằm đảm bảo tất cả các sản phẩm liên quan đều tuân thủ các yêu cầu của EUDR.

Các cá nhân, tổ chức cần phải đáp ứng các yêu cầu về thông tin được quy định tại Điều 9 như một phần của việc thực hiện trách nhiệm giải trình đối với các sản phẩm liên quan mà họ đang đưa vào thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu từ Liên minh. Cần lưu ý rằng Điều 9 cũng áp dụng cho các đơn vị thương mại không phải là DNNVV sẽ “đưa vào thị trường Liên minh” các sản phẩm liên quan. Trong một số trường hợp, việc xác định loài, nguồn gốc và tọa độ địa lý của các hàng hóa liên quan có trong các sản phẩm liên quan có thể trở nên phức tạp, đặc biệt đối với các sản phẩm tái chế như giấy, ván sợi và ván dăm, hoặc các sản phẩm chế biến sâu như thực phẩm có chứa ca cao, thông tin này là cần thiết để sản phẩm được đưa vào thị trường Liên minh hoặc được xuất khẩu từ Liên minh. Xem Phụ lục II của tài liệu Hướng dẫn này để biết thêm chi tiết.

Ngoài ra, khi đưa các sản phẩm liên quan vào thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu từ Liên minh, nếu những sản phẩm này có chứa hoặc được sản xuất từ các sản phẩm liên quan khác (được quy định tại Phụ lục I của EUDR) mà chưa được thực hiện trách nhiệm giải trình trước đó thì cá nhân, tổ chức phải thực hiện trách nhiệm giải trình đối với các sản phẩm thành phần đó. Quy định này áp dụng cho cả các cá nhân, tổ chức là và không phải là DNNVV (theo quy định tại Điều 4(8) và (9) của EUDR).

a) Các yêu cầu về thông tin

Trong quá trình thực hiện trách nhiệm giải trình theo quy định tại Điều 8 của EUDR, khi mô tả các sản phẩm liên quan, theo các yêu cầu về thông tin được quy định tại Điều 9 của EUDR, các cá nhân, tổ chức cần liệt kê rõ ràng các hàng hóa hoặc sản phẩm liên quan có trong sản phẩm của họ hoặc được sử dụng để sản xuất ra các sản phẩm đó.

Có nghĩa là các cá nhân, tổ chức cần phải thu thập thông tin về sự hiện diện của các hàng hóa liên quan trong các sản phẩm mà họ đang đưa ra thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu từ Liên minh. Thông tin này bao gồm tọa độ địa lý nơi nuôi, trồng các hàng hóa liên quan trong sản phẩm, hoặc được sử dụng để sản xuất sản phẩm liên quan, cùng với các thông tin bổ sung theo quy định tại Điều 9(1) của EUDR. Theo quy định tại Điều 9, để đáp ứng yêu cầu về thông tin tọa độ địa lý của nơi sản xuất sản phẩm liên quan, các cá nhân, tổ chức phải cung cấp:

- Tọa độ địa lý của tất cả các lô đất nơi nuôi, trồng các hàng hóa liên quan có trong các sản phẩm liên quan hoặc được dùng để sản xuất sản phẩm liên quan, và
- Ngày hoặc khoảng thời gian sản xuất.

Nếu một sản phẩm liên quan chứa hoặc được sản xuất từ các hàng hóa liên quan được nuôi, trồng trên nhiều lô đất khác nhau thì cần cung cấp tọa độ địa lý của tất cả các lô đất đó. Đối với các sản phẩm liên quan chứa thành phần hoặc được sản xuất từ gia súc, theo quy định tại Điều 2(29) của EUDR, yêu cầu về tọa độ địa lý áp dụng cho tất cả các cơ sở hoặc địa điểm liên quan đến chăn nuôi gia súc, bao gồm nơi sinh, các trang trại chăn nuôi – và trong trường hợp gia súc được thả ngoài trời, tọa độ địa lý của bất kỳ môi trường hoặc địa điểm nào nơi gia súc được nuôi tạm thời hoặc lâu dài - cho đến thời điểm giết mổ.

Nếu có bất kỳ hoạt động mất rừng hoặc suy thoái rừng nào trên bất kỳ lô đất được xác định là nơi sản xuất ra bất kỳ sản phẩm liên quan có trong sản phẩm được xác định là "sản phẩm hỗn hợp" thì sản phẩm đó không được phép đưa vào thị trường Liên minh hoặc được cung cấp trên thị trường Liên minh hoặc được xuất khẩu từ Liên minh (theo quy định tại Điều 9(1)(d) của EUDR).

Ngoài ra, Điều 9 yêu cầu cung cấp tên thường gọi và tên khoa học đầy đủ của tất cả các loài gỗ có trong sản phẩm liên quan hoặc được sử dụng để sản xuất sản phẩm liên quan. Trong một số trường hợp, việc xác định tên của tất cả các loài gỗ trong mỗi thành phần của sản phẩm hỗn hợp đã được chế biến sâu, chẳng hạn như ván dăm, giấy và sách in có thể phức tạp. Tuy nhiên, nếu sản phẩm sử dụng nhiều loài gỗ thì cá nhân, tổ chức sẽ phải cung cấp danh sách các loài gỗ có thể đã được sử dụng để sản xuất sản phẩm đó. Các loài phải được liệt kê theo danh pháp loài gỗ đã được quốc tế công nhận (ví dụ: DIN EN 13556 ban hành ngày 1 tháng 10 năm 2003 về "Danh pháp các loài gỗ được sử dụng ở Châu Âu").

b) Trách nhiệm giải trình đối với các sản phẩm hỗn hợp: sử dụng các tuyên bố trách nhiệm giải trình trước đó

Các cá nhân, tổ chức đưa "sản phẩm hỗn hợp" ra thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu từ Liên minh (ví dụ, đồ nội thất làm từ các sản phẩm gỗ liên quan khác) có thể tham khảo các tuyên bố trách nhiệm giải trình hiện có nếu phù hợp. Khi các cá nhân, tổ chức không phải là DNNVV nộp hồ sơ lên Hệ thống thông tin (được quy định tại Điều 33 của EUDR), họ có thể tham khảo các tuyên bố trách nhiệm giải trình trước đó đã được nộp vào Hệ thống, nhưng chỉ khi đã xác nhận rằng trách nhiệm giải trình đối với các sản phẩm có trong sản phẩm hỗn hợp hoặc được sản xuất từ các sản phẩm liên quan đã được thực hiện đúng quy định tại Điều 4(1) và (9) của EUDR.

Có thể tham khảo thông tin có trong các tuyên bố trách nhiệm giải trình hiện có để hoàn thành các yêu cầu về thông tin theo quy định tại Điều 9 của EUDR. Ví dụ, thông tin về tọa độ địa lý của các hàng hóa liên quan có thể đã được nêu trong tuyên bố trách nhiệm giải trình của một sản phẩm liên quan là thành phần của sản phẩm mà cá nhân, tổ chức dự định đưa vào thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu từ Liên minh, và do đó sẽ không cần cung cấp lại thông tin này nếu đã tham chiếu đến tuyên bố trách nhiệm giải trình của sản phẩm đó ở giai đoạn trước của chuỗi ứng dụng. Việc tham chiếu trong Hệ thống thông tin có thể thực hiện bằng cách nhập số tham chiếu của một tuyên bố trách nhiệm giải trình của sản phẩm tại một điểm ở giai đoạn đầu của chuỗi ứng dụng khi nộp một tuyên bố trách nhiệm giải trình mới. Các cá nhân, tổ chức và đơn vị thương mại nộp các tuyên bố trách nhiệm giải trình sẽ được quyết định cho phép các cá nhân, tổ chức ở

giai đoạn sau của chuỗi cung ứng truy cập, xem và tham chiếu thông tin về tọa độ địa lý trong các Tuyên bố Trách nhiệm Giải trình mà họ đã nộp lên Hệ thống Thông tin.

Nhìn chung, Hệ thống Thông tin sẽ được thiết lập và vận hành phù hợp với các quy định hiện hành về bảo vệ dữ liệu. **Ngoài ra, Hệ thống này sẽ được trang bị các biện pháp bảo mật để đảm bảo tính toàn vẹn và an toàn thông tin.**

Theo quy định tại Điều 4(7) của EUDR, các cá nhân, tổ chức – bao gồm DNNVV - phải cung cấp đầy đủ thông tin để chứng minh sự tuân thủ của sản phẩm, bao gồm cung cấp số tham chiếu của các tuyên bố trách nhiệm giải trình cho các cá nhân, tổ chức và đơn vị thương mại trong giai đoạn sau của chuỗi cung ứng. Theo quy định tại Điều 4(8) của EUDR, các cá nhân, tổ chức là DNNVV không bắt buộc phải thực hiện trách nhiệm giải trình đối với các sản phẩm liên quan là thành phần hoặc được sản xuất từ các sản phẩm liên quan mà được thực hiện trách nhiệm giải trình theo quy định tại Điều 4(1) và đã có tuyên bố trách nhiệm giải trình được nộp theo quy định tại Điều 33 của EUDR. Các cá nhân, tổ chức là DNNVV cần cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền số tham chiếu của tuyên bố trách nhiệm giải trình khi được yêu cầu. Các cá nhân, tổ chức là DNNVV **phải** thực hiện trách nhiệm giải trình và nộp tuyên bố trách nhiệm giải trình đối với các bộ phận của sản phẩm liên quan mà chưa được thực hiện trách nhiệm giải trình hoặc chưa có tuyên bố trách nhiệm giải trình được nộp theo quy định tại Điều 4(8) của EUDR.

10. VAI TRÒ CỦA CÁC HỆ THỐNG CHỨNG NHẬN VÀ HỆ THỐNG XÁC MINH CỦA BÊN THỨ BA TRONG ĐÁNH GIÁ RỦI RO VÀ GIẢM THIỂU RỦI RO

Quy định pháp luật liên quan: EUDR – Phần giới thiệu (52); Điều 10(2)(n) – Đánh giá rủi ro

Các hệ thống chứng nhận và hệ thống xác minh của bên thứ ba thường được sử dụng để đáp ứng các yêu cầu cụ thể của khách hàng đối với các hàng hóa và sản phẩm liên quan. Các yêu cầu này có thể là một bộ tiêu chuẩn mô tả các hoạt động phải được thực hiện trong quá trình sản xuất các mặt hàng được cấp chứng chỉ, bao gồm các nguyên tắc, tiêu chí và chỉ số; các yêu cầu về việc kiểm tra tuân thủ tiêu chuẩn và cấp chứng chỉ; và chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm (CoC) riêng nhằm đảm bảo rằng sản phẩm chỉ chứa (hoặc có thể chứa một tỷ lệ phần trăm nhất định) vật liệu đã được cấp chứng chỉ hoặc được xác minh bởi bên thứ ba từ các nhà sản xuất đã được xác định và cấp chứng chỉ hoặc được xác minh bởi bên thứ ba.

EUDR công nhận rằng các hệ thống chứng nhận và xác minh của bên thứ ba có thể cung cấp thông tin hữu ích về tính tuân thủ EUDR trong quá trình đánh giá rủi ro theo quy định tại Điều 10 của EUDR, thông qua hỗ trợ chứng minh rằng các sản phẩm là hợp pháp và không liên quan đến mất rừng với điều kiện thông tin này đáp ứng được các yêu cầu được quy định tại Điều 9, như đã nêu tại Điều 10(2)(n) của EUDR.

Trên thực tế, các hệ thống chứng nhận và hệ thống xác minh của bên thứ ba được vận hành bởi các tổ chức không tham gia vào quá trình sản xuất hoặc chuỗi cung ứng của các hàng hóa liên quan. Hơn nữa, một số hệ thống thường được sử dụng để xác minh rằng một số tiêu chuẩn hoặc quy tắc nhất định đang được tuân thủ, nhưng không nhất thiết phải chứng nhận chính sản phẩm đó.

Tài liệu hướng dẫn này chủ yếu dành cho các bên liên quan đang cân nhắc việc sử dụng các hệ thống chứng nhận hoặc hệ thống xác minh của bên thứ ba, vì các hệ thống này có thể mang lại giá trị bổ sung bằng cách cung cấp thông tin bổ trợ, chẳng hạn như thông tin về tọa độ địa lý, và hỗ trợ các cá nhân, tổ chức thực hiện đánh giá rủi ro như là một phần của quá trình thực hiện trách nhiệm giải trình, nhằm đảm bảo rằng các sản phẩm liên quan là hợp pháp và không liên quan đến phá rừng. EUDR không yêu cầu: (1) các cá nhân, tổ chức phải sử dụng các hệ thống này, (2) các nhà sản xuất phải đăng ký tham gia các hệ thống này, hoặc (3) các quốc gia sản xuất phải xây dựng các hệ thống như vậy. Việc sử dụng các hệ thống xác minh của bên thứ ba mang tính tự nguyện, không phải là yêu cầu pháp lý đối với các cá nhân, tổ chức.

Các hệ thống chứng nhận và hệ thống xác minh của bên thứ ba có thể đóng vai trò quan trọng trong việc

thúc đẩy các hoạt động nông nghiệp và lâm nghiệp bền vững, đảm bảo nguồn cung ứng có trách nhiệm, tăng cường tính minh bạch của chuỗi cung ứng và tạo điều kiện tuân thủ các quy định. Cần lưu ý rằng các hệ thống tự khai báo không dựa vào xác minh của bên thứ ba không thuộc phạm vi của tài liệu hướng dẫn này và, theo định nghĩa, có hiệu lực thấp hơn do thiếu tính độc lập và khách quan.

Tài liệu hướng dẫn này chủ yếu hướng đến các bên liên quan đang cân nhắc sử dụng các hệ thống chứng nhận hoặc hệ thống xác minh của bên thứ ba vì các hệ thống này có thể mang lại giá trị bổ sung bằng cách cung cấp thông tin bổ trợ, chẳng hạn như thông tin về tọa độ địa lý và hỗ trợ các cá nhân, tổ chức thực hiện đánh giá rủi ro như là một phần của quá trình thực hiện trách nhiệm giải trình đảm bảo rằng các sản phẩm liên quan là hợp pháp và không liên quan đến phá rừng. Nếu các cá nhân, tổ chức quyết định sử dụng các hệ thống chứng nhận và hệ thống xác minh của bên thứ ba thì tài liệu hướng dẫn này được thiết kế để hỗ trợ các cá nhân, tổ chức đánh giá mức độ mà các hệ thống có thể hỗ trợ để tuân thủ các yêu cầu của EUDR.

Tài liệu hướng dẫn này cũng phù hợp với các cơ quan có thẩm quyền quốc gia, với nội dung nhấn mạnh rằng mặc dù có thể được sử dụng trong quy trình đánh giá rủi ro theo quy định tại Điều 10 của EUDR, các hệ thống chứng nhận và hệ thống xác minh không thể thay thế trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức trong việc thực hiện trách nhiệm giải trình theo quy định tại Điều 8 của EUDR. Có nghĩa là việc sử dụng các hệ thống chứng nhận và hệ thống xác minh của bên thứ ba không mang hàm ý được "ưu tiên", vì các cá nhân, tổ chức vẫn phải thực hiện trách nhiệm giải trình và sẽ phải chịu trách nhiệm nếu không tuân thủ các yêu cầu đối với nghĩa vụ này theo quy định của EUDR.

Các hệ thống chứng nhận và hệ thống xác minh của bên thứ ba khác nhau về phạm vi, mục tiêu, cấu trúc và phương pháp hoạt động. Một điểm khác biệt quan trọng là: (1) các hệ thống này có dựa vào xác nhận của bên thứ ba hay không, từ đó phân loại thành các hệ thống chứng nhận và các hệ thống xác minh của bên thứ ba và (2) các hệ thống tự khai báo. Các hệ thống tự khai báo nằm ngoài phạm vi của tài liệu hướng dẫn này và, theo định nghĩa, có hiệu lực thấp hơn do thiếu tính độc lập và khách quan.

a) Vai trò của các hệ thống chứng nhận và hệ thống xác minh của bên thứ ba

Khi cân nhắc việc sử dụng thông tin từ một hệ thống chứng nhận hoặc hệ thống xác minh của bên thứ ba trong quy trình đánh giá rủi ro theo quy định tại Điều 10 của EUDR để chứng minh rằng sản phẩm là hợp pháp và không liên quan đến phá rừng, các cá nhân, tổ chức cần trước hết xác định liệu các tiêu chuẩn của hệ thống đó có phù hợp với các quy định liên quan của EUDR hay không. Trong trường hợp này, cần lưu ý rằng các cá nhân, tổ chức cũng có thể sử dụng các hệ thống chứng nhận hoặc xác minh của bên thứ ba để đáp ứng một số yêu cầu cụ thể của EUDR.

Các hệ thống chứng nhận và hệ thống xác minh của bên thứ ba thường yêu cầu các tổ chức bên thứ ba chứng minh năng lực thực hiện đánh giá thông qua một quy trình công nhận đặt ra các tiêu chuẩn về kỹ năng của đánh giá viên và các hệ thống mà các tổ chức chứng nhận phải tuân thủ. Các sản phẩm được chứng nhận hoặc được xác minh thường mang nhãn có ghi tên và loại hình của tổ chức chứng nhận hoặc tổ chức xác minh cũng như các yêu cầu đối với quy trình đánh giá. Các hệ thống này cũng có thể yêu cầu các đối tác đưa thông tin này vào tài liệu chính thức kèm theo lô hàng. Các tổ chức chứng nhận hoặc xác minh này thường có thể cung cấp thông tin về phạm vi chứng nhận và cách thức chứng nhận được áp dụng tại quốc gia sản xuất các sản phẩm liên quan, bao gồm chi tiết về tính chất và tần suất đánh giá trên thực địa.

Các hệ thống chứng nhận và hệ thống xác minh của bên thứ ba có thể được đánh giá dựa trên ba yếu tố chính: (1) 'các tiêu chuẩn liên quan': bao gồm các yêu cầu vận hành, phạm vi, quy trình, và chính sách áp dụng với các công ty tham gia hệ thống, (2) 'sự tuân thủ các hệ thống': nghĩa là mức độ đáp ứng các tiêu chuẩn, bao gồm cả việc triển khai các biện pháp cần thiết để đảm bảo tuân thủ thông qua đánh giá, và (3) 'tính năng quản trị' và đánh giá độ tin cậy của hệ thống, chẳng hạn như tính minh bạch, các quy trình đảm bảo, giám sát, v.v. Các cá nhân, tổ chức cần thường xuyên đánh giá lại các thông tin này, đặc biệt để đáp ứng các yêu cầu của EUDR.

Liên quan đến các yêu cầu của EUDR, khi xem xét thông tin do các hệ thống chứng nhận hoặc hệ thống xác minh của bên thứ ba cung cấp, các cá nhân, tổ chức cần đánh giá các khía cạnh sau của các hệ thống đó liên quan đến yếu tố 'các tiêu chuẩn liên quan':

- Tính hợp lệ, tính xác thực, và phạm vi của chứng nhận hoặc xác minh của bên thứ ba có mối liên hệ hợp lệ với sản phẩm hoặc hàng hóa liên quan,
- Sự phù hợp và tuân thủ các yêu cầu pháp lý liên quan, chẳng hạn như đảm bảo các tiêu chuẩn của hệ thống phù hợp với định nghĩa về không gây mất rừng và đáp ứng mốc thời gian ngày 31 tháng 12 năm 2020, theo quy định tại các Điều 2 và Điều 3 của EUDR không,
- Đánh giá rủi ro không tuân thủ xem xét rủi ro liên quan đến tính hợp pháp và các yêu cầu không gây mất rừng của sản phẩm liên quan,
- Truy xuất nguồn gốc của các sản phẩm liên quan, đảm bảo khả năng truy xuất đến tọa độ địa lý của lô đất nơi hàng hóa được nuôi, trồng,
- Liệu có khả năng trộn lẫn nguyên liệu có nguồn gốc rõ ràng và không rõ ràng vào chuỗi hành trình sản phẩm (CoC) (điều này không được chấp nhận theo quy định của EUDR)¹⁵. Nếu sản phẩm liên quan có chứng nhận Chuỗi hành trình sản phẩm (CoC), trong đó có thể có cả nguyên liệu từ nhiều nguồn khác nhau được chứng nhận và không được chứng nhận. Đối với phần nguyên liệu không được chứng nhận, cần phải thu thập thông tin phục vụ kiểm tra và xác minh sự tuân thủ các yêu cầu của EUDR. Quy trình thực hiện trách nhiệm giải trình phải được hoàn tất cho toàn bộ sản phẩm liên quan.
- Khả năng hệ thống sử dụng phương pháp cân bằng khối lượng khi các sản phẩm tuân thủ được trộn lẫn với các sản phẩm không rõ nguồn gốc (điều này cũng không được chấp nhận theo EUDR)¹⁶,
- Khả năng hệ thống cung cấp được thông tin bắt buộc kèm theo bằng chứng "đủ thuyết phục và có thể xác minh", theo quy định tại Điều 9 của EUDR.

Thứ hai, liên quan đến yếu tố 'tuân thủ các hệ thống', các cá nhân, tổ chức cần xem xét:

- Khả năng tiếp cận thông tin liên quan đến quản trị hệ thống, sự tham gia vào hệ thống của các bên liên quan và các báo cáo tóm tắt kết quả đánh giá,
- Cơ sở dữ liệu miễn phí và có thể truy cập công khai về người nắm giữ chứng nhận, phạm vi chứng nhận, hiệu lực, ngày đình chỉ hoặc chấm dứt tình trạng chứng nhận và các báo cáo kết quả đánh giá liên quan,
- Các kiểm tra minh bạch định kỳ, ngẫu nhiên và độc lập (bao gồm đánh giá) về sự tuân thủ hệ thống chứng nhận hoặc hệ thống xác minh của bên thứ ba theo các tiêu chuẩn, quy tắc và quy trình của các hệ thống,
- Việc kiểm soát số lượng và nguồn gốc của nguyên liệu được chứng nhận trong toàn bộ chuỗi cung ứng, chẳng hạn như sử dụng phân tích giải phẫu, hóa học hoặc DNA để xác minh thông tin về khả năng truy xuất nguồn gốc sản phẩm hoặc chuỗi cung ứng,
- Các biện pháp kiểm soát hiệu quả để xác minh khối lượng trong các chuỗi cung ứng¹⁷.

¹⁵ Một số hệ thống cho phép chứng nhận khi một tỷ lệ phần trăm nhất định của sản phẩm liên quan, thường được ghi trên nhãn, đã đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn chứng nhận. Trong những trường hợp như vậy, cần lưu ý rằng là cá nhân, tổ chức phải có thông tin về việc liệu các kiểm tra đối với các phần chưa được chứng nhận đã được thực hiện hay chưa và liệu các kiểm tra đó có cung cấp bằng chứng đầy đủ về việc tuân thủ yêu cầu về tọa độ địa lý và yếu tố không liên quan đến mất rừng cho các phần chưa được chứng nhận hay không.

¹⁶ Một số hệ thống cho phép chứng nhận khi sử dụng phương pháp cân bằng khối lượng chuỗi hành trình sản phẩm. Tuy nhiên, các sản phẩm hỗn hợp như vậy không tuân thủ EUDR. Chỉ những sản phẩm đáp ứng đầy đủ các yếu tố nêu trên mới được chấp nhận theo EUDR, không bao gồm các sản phẩm hỗn hợp dựa trên tỷ lệ phần trăm nhất định hoặc phương pháp cân bằng khối lượng chuỗi hành trình sản phẩm.

¹⁷ Chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm có thể được sử dụng làm bằng chứng cho thấy không có hàng hóa không rõ nguồn gốc hoặc không được phép đi vào chuỗi cung ứng. Điều này thường dựa trên việc đảm bảo rằng chỉ có các hàng hóa và sản phẩm được cấp phép mới được đi vào chuỗi cung ứng tại các "điểm kiểm soát quan trọng," và sản phẩm có thể được truy xuất về người nắm giữ trước đó (người cũng phải có chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm) thay vì truy về nơi xuất xứ. Một sản phẩm có chứng nhận chuỗi hành trình có thể chứa hỗn hợp nguyên liệu từ nhiều nguồn khác nhau gồm nguyên liệu được chứng nhận và các nguyên liệu khác được cấp phép. Khi sử dụng chứng nhận chuỗi hành trình, cá nhân, tổ chức cần đảm bảo rằng tất cả các nguyên liệu tuân thủ các yêu cầu của EUDR và các biện pháp kiểm soát đã được thực hiện đầy đủ để loại trừ nguyên liệu không tuân thủ.

- Việc sử dụng tem/tuyên bố tương tự liên quan đến các hệ thống khác nhau,
- Các báo cáo hiện có đã được xác minh về những thiếu sót hoặc vấn đề có thể xảy ra của hệ thống chứng nhận hoặc hệ thống xác minh của bên thứ ba có liên quan tại các quốc gia nơi xuất xứ các hàng hóa hoặc sản phẩm liên quan,
- Các báo cáo hiện có đã được xác minh liên quan đến một nhà sản xuất hoặc một đơn vị thương mại cụ thể sử dụng hệ thống chứng nhận hoặc hệ thống xác minh của bên thứ ba có liên quan.

Về yếu tố 3) 'tính năng quản trị của hệ thống', các cá nhân, tổ chức cần xem xét các khía cạnh sau:

- Khả năng xung đột lợi ích,
- Phạm vi và phát hiện của các hoạt động kiểm soát gian lận và tham nhũng,
- Sự tuân thủ của hệ thống chứng nhận hoặc hệ thống xác minh của bên thứ ba với các tiêu chuẩn quốc tế hoặc tiêu chuẩn châu Âu (ví dụ, các hướng dẫn ISO liên quan),
- Các biện pháp trừng phạt và chế tài trong trường hợp vi phạm cũng như các hành động khắc phục, bao gồm cả việc đình chỉ chứng nhận cho đến khi các biện pháp khắc phục được thực hiện, đồng thời có tính đến tốc độ của thủ tục thu hồi và khôi phục quyền cấp chứng nhận cho sản phẩm,
- Sự tham gia của các bên liên quan, đặc biệt là việc thúc đẩy sự tham gia của các hộ tiểu điền (nếu có) vào hệ thống.
- Thông tin về tính độc lập của các tổ chức bên thứ ba cung cấp các dịch vụ chứng nhận hoặc xác minh liên quan với tư cách các tổ chức được công nhận. Không nên chỉ dựa vào hoặc coi là kết luận cuối cùng những đảm bảo hoặc tuyên bố từ hệ thống, các đánh giá viên liên kết với hệ thống, hoặc các đánh giá viên bên thứ ba do hệ thống thuê để thực hiện các quy trình đảm bảo. Ý kiến của các bên liên quan khác, bao gồm các thành viên tham gia hệ thống, các tổ chức công đoàn lao động, hiệp hội công nhân và các hộ tiểu điền, các tổ chức xã hội và các tổ chức phi chính phủ, cũng như các tổ chức đánh giá và đảm bảo của bên thứ ba, cũng cần được xem xét nếu thấy phù hợp.

b) Thông tin về bối cảnh

Các hệ thống chứng nhận và hệ thống xác minh của bên thứ ba có thể thuộc khu vực công hoặc khu vực tư, tùy thuộc vào mô hình quản trị, do hoặc không do chính phủ điều hành. Các hệ thống này có thể là bắt buộc hoặc mang tính tự nguyện, tùy vào việc có ràng buộc pháp lý. Các hệ thống tư nhân thường được các cá nhân, tổ chức tự nguyện sử dụng, trong khi đó các hệ thống thuộc khu vực công thường (nhưng không nhất thiết) là bắt buộc và được thiết lập bởi các quốc gia nơi sản phẩm được sản xuất. Các hệ thống chứng nhận và hệ thống xác minh của bên thứ ba thuộc khu vực công và khu vực tư đều hướng tới mục tiêu công nhận các tiêu chuẩn môi trường tốt thông qua chứng nhận, và nhiều hệ thống trong số đó đã đóng góp quan trọng vào việc nâng cao tính bền vững của sản xuất nông nghiệp trên toàn cầu.

Tuy nhiên, trong đánh giá tác động trước khi ban hành EUDR, dựa trên các nghiên cứu liên quan khác, đã có một số quan ngại về các hệ thống này, bao gồm sự khác nhau về mức độ minh bạch và các quy tắc, thủ tục và hệ thống đảm bảo chất lượng, cũng như các vấn đề liên quan đến giám sát, công khai và thực thi. Trong nhiều năm hoạt động, cũng đã có những quan ngại về hiệu quả và tính toàn vẹn của các hệ thống chuỗi hành trình sản phẩm (CoC) và tính dễ bị gian lận của các hệ thống này. Ngoài ra, việc thiếu đánh giá độc lập là một điểm yếu của một số hệ thống tư nhân. Một nghiên cứu cụ thể do Ủy ban ủy quyền về các hệ thống chứng nhận và xác minh trong lĩnh vực lâm nghiệp và đối với sản phẩm gỗ cũng chỉ ra những phát hiện tương tự, bao gồm sự thiếu minh bạch và rủi ro thông tin không đầy đủ thậm chí thiếu chính xác.¹⁸

Các hệ thống xác minh thuộc khu vực công mang tính bắt buộc với các biện pháp ràng buộc có thể thiết lập các tiêu chuẩn cao, cả về phạm vi lẫn việc thực hiện. Điều quan trọng là các hệ thống này phải được áp dụng cho tất cả các chủ thể kinh tế trong một quốc gia (cho cả hoạt động đưa sản phẩm ra thị trường và xuất khẩu) để tránh những lỗ hổng và sự rò rỉ có thể xảy ra bởi hoạt động của các chủ thể kinh tế không thuộc phạm vi của hệ thống. Các hệ thống này cũng có thể đảm bảo cải thiện sự tham gia của các hộ tiêu dùng thông qua cung cấp những hỗ trợ cần thiết để khắc phục vấn đề chi phí, thường được coi là một thách thức lớn, vì các doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) không có được điều kiện thuận lợi về mặt kinh tế để đạt được chứng nhận như các cá nhân, tổ chức và đơn vị thương mại có quy mô lớn hơn.

Liên quan đến độ tin cậy và tính phù hợp của các hệ thống thuộc cả khu vực tư và khu vực công, các tiêu chuẩn áp dụng của các hệ thống đó phải đáp ứng được (ở mức tương đương hoặc cao hơn) các yêu cầu của EUDR, đặc biệt là về định nghĩa "không phá rừng", yêu cầu về thông tin tọa độ địa lý, tính minh bạch, cũng như tính hợp pháp của quá trình sản xuất.

Trong bối cảnh này, cần lưu ý rằng không phải tất cả các hệ thống đều có các tiêu chuẩn và đánh giá liên quan đến tính hợp pháp của quá trình sản xuất hàng hóa liên quan, và do đó, có thể cần kiểm tra xem các hệ thống đó có yêu cầu cụ thể nào về tính hợp pháp, bao gồm cả phạm vi luật pháp áp dụng, cũng như các tiêu chí hoặc chỉ số dùng để đánh giá mức độ tuân thủ. Ví dụ, các hệ thống có thể khác nhau ở định nghĩa về "luật" hoặc "hợp pháp" ở quốc gia sản xuất, hoặc ở các chỉ số phải xem xét để đánh giá rủi ro vi phạm pháp luật.

Việc ra quyết định và quản trị nội bộ, bao gồm sự tham gia trực tiếp của các mắt xích trong chuỗi cung ứng muốn được cấp chứng nhận hoặc mua và sử dụng các sản phẩm đã được cấp chứng nhận để đáp ứng nhu cầu của khách hàng, cũng là những yếu tố có ảnh hưởng đến việc thực hiện, thực thi và độ tin cậy của bất kỳ hệ thống liên quan nào.

Để thúc đẩy thương mại và đảm bảo tuân thủ EUDR, một kho lưu trữ các thông lệ và thực hành sẽ được thiết lập để các cá nhân, tổ chức và các đơn vị thương mại có thể tham khảo khi thực hiện trách nhiệm giải trình cho việc đưa và cung cấp sản phẩm trên thị trường Liên minh, cũng như hỗ trợ các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện các kiểm tra liên quan.

¹⁸ Ủy ban Châu Âu, Báo cáo: Nghiên cứu về các hệ thống chứng nhận và xác minh trong lĩnh vực lâm nghiệp và đối với sản phẩm gỗ, Phòng xuất bản của EU, 2021.

Để xem xét thêm các yếu tố của các hình thức chứng nhận và xác minh của bên thứ ba, có thể tham khảo Đánh giá Tác động của Ủy ban¹⁹, Hướng dẫn thực hành tốt nhất của Liên Minh châu Âu cho các hệ thống chứng nhận tự nguyện đối với các sản phẩm nông nghiệp và thực phẩm²⁰, và kết quả nghiên cứu của Ủy ban châu Âu về các hệ thống chứng nhận và xác minh trong lĩnh vực lâm nghiệp và đối với sản phẩm gỗ²¹.

11. SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH NÔNG NGHIỆP

1. Giới thiệu

Điều 3 (a) của EUDR cấm đưa vào và cung cấp trên thị trường Liên minh hoặc xuất khẩu ra khỏi thị trường Liên minh các hàng hóa và sản phẩm liên quan, trừ khi những sản phẩm này không gây mất rừng. Điều 2(13)(a) của EUDR định nghĩa “không gây mất rừng” nghĩa là các sản phẩm liên quan chứa thành phần, được nuôi, trồng, hoặc được sản xuất bằng những hàng hóa được nuôi, trồng trên đất không gây mất rừng sau ngày 31/12/2020²². Theo quy định tại Điều 2(3), “gây mất rừng” có nghĩa là chuyển đổi rừng sang sử dụng cho mục đích nông nghiệp, bất kể do con người hay không.

Theo đoạn trích dẫn số 36 của EUDR, Ủy ban châu Âu cần xây dựng các hướng dẫn nhằm làm rõ định nghĩa về 'sử dụng cho mục đích nông nghiệp', đặc biệt liên quan đến việc chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang đất không sử dụng cho mục đích nông nghiệp. Đoạn trích dẫn số 31 của EUDR về Phục hồi thiên nhiên²³ cũng đề cập đến các hướng dẫn này.

Theo đó, các mục tiêu chính của Chương này gồm:

- làm rõ định nghĩa về rừng, việc đo đạc các thông số kỹ thuật được sử dụng để xác định "rừng" theo EUDR như diện tích, chiều cao trung bình và độ che phủ của tán cây, đặc biệt tại những nơi có cây giáp ranh hoặc chồng lấn với diện tích nông nghiệp (Mục 3);
- làm rõ khái niệm "các diện tích đất nông nghiệp bỏ không" và "trang trại nông nghiệp" được đề cập tại Điều 2 (5) của EUDR, đặc biệt là các điều kiện mà theo đó đất nông nghiệp được để không, hay đang bỏ hoang, hoặc sử dụng cho một số vườn ươm nhất định, vẫn được coi là đất 'sử dụng cho mục đích nông nghiệp' bất kể đặc điểm đất đai như nào, nhằm làm rõ điều kiện chuyển đổi đất rừng sang đất nông nghiệp (Mục 3 và 4);
- cung cấp hướng dẫn về các trường hợp, mà tại khu vực dù có quan sát thấy có cây che phủ sau ngày 31 tháng 12 năm 2020 (hạn chót theo quy định tại Điều 2 (13) của EUDR) thì khu vực này vẫn được coi là 'sử dụng cho mục đích nông nghiệp' (Mục 4);
- làm rõ các trường hợp mà một khu vực được xác định là “rừng” không được xem xét chuyển đổi sang mục đích “sử dụng nông nghiệp” mà sang các mục đích sử dụng đất khác, cụ thể là:
 - chuyển đổi sang các mục đích sử dụng đất khác nhằm ngăn chặn, hạn chế, giảm thiểu, hoặc đảo ngược tác động bất lợi của việc du nhập và lây lan các loài ngoại lai xâm hại đối với đa dạng sinh học, hoặc
 - chuyển đổi thành môi trường sống bán tự nhiên được quản lý chặt chẽ (ví dụ bằng cách chặn thả bảo tồn) theo yêu cầu của kế hoạch phục hồi hoặc bảo tồn thiên nhiên nhằm thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết trong các công ước quốc tế về bảo vệ và phục hồi thiên nhiên và đa dạng sinh học, hoặc
 - phục vụ mục đích phòng chống cháy rừng hoặc triển khai sản xuất năng lượng tái tạo (Mục 2 và 4.a);
- giải thích định nghĩa “sử dụng cho mục đích nông nghiệp” trong EUDR, có xem xét đến các định

¹⁹ Ủy ban liên minh Châu Âu, SWD (2021) 326 bản cuối.

²⁰ Công báo số OJ C 341, 16.12.2010, p. 5–11.

²¹ Ủy ban Châu Âu, Báo cáo: Nghiên cứu về các hệ thống chứng nhận và xác minh trong lĩnh vực lâm nghiệp và đối với sản phẩm gỗ, Phòng xuất bản của EU, 2021.

²² Yếu tố khác của định nghĩa “không gây phá rừng” tại Điều 2(13)(b), quy định rằng các sản phẩm liên quan có chứa hoặc được sản xuất bằng gỗ được khai thác mà không gây ra suy thoái rừng thì nằm ngoài phạm vi của chương này, chương này quy định chi tiết về sử dụng nông nghiệp.

²³ Công báo số OJ L, 2024/1991, 29.7.2024, ELI: <http://data.europa.eu/eli/reg/2024/1991/oj>

nghĩa được đề cập trong các văn bản luật pháp hiện hành của Liên minh và các chú giải đã được thống nhất ở cấp quốc tế (Mục 4, 4.c và 4.d)

- làm rõ việc sử dụng kết hợp và đồng thời các diện tích có cây che phủ theo các định nghĩa trong EUDR, chẳng như các hệ thống nông lâm kết hợp, chăn thả dưới tán rừng, nông lâm kết hợp chăn nuôi và các hệ thống nông lâm kết hợp khác (Mục 4.d).
- làm rõ các loại hình sử dụng đất khác nhau trên cùng một diện tích và sử dụng bản đồ địa chính và hồ sơ địa chính (Mục 5).

2. Làm rõ việc chuyển đổi đất rừng sang đất không sử dụng cho mục đích nông nghiệp

Quy định pháp luật liên quan: EUDR – Đoạn trích dẫn số (36), Điều 2 (3), (5), (13) – Các định nghĩa, Điều 3 (a) – Cấm

Theo Điều 2(3) của EUDR, “phá rừng” có nghĩa là chuyển đổi rừng sang sử dụng cho mục đích nông nghiệp và nên được hiểu là sự thay đổi mục đích sử dụng đất từ “rừng” theo định nghĩa tại Điều 2(4) của EUDR (được nêu chi tiết tại Mục 3) thành “sử dụng cho mục đích nông nghiệp” theo định nghĩa tại Điều 2(5) của EUDR (được nêu chi tiết tại Mục 4, 4.c và 4.d). Theo đó, phạm vi chuyển đổi sang sử dụng cho mục đích nông nghiệp là không liên quan và việc chuyển đổi này sẽ khiến cho hàng hóa được sản xuất trên đất đó không được coi là tuân thủ nếu tình trạng mất rừng diễn ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Việc phân loại một diện tích rừng là “bị mất” dựa trên tiêu chí khách quan là khu rừng đó có được chuyển đổi sang một mục đích sử dụng cụ thể nào không, không phụ thuộc vào việc mục đích sử dụng và ranh giới địa lý của lô đất có được đăng ký hợp pháp không, cũng như không phụ thuộc nguyên nhân gây ra tình trạng mất rừng (ai, cái gì).

Theo Quy định này, chuyển đổi đất rừng sang các mục đích sử dụng đất khác không thuộc định nghĩa về ‘sử dụng cho mục đích nông nghiệp’ sẽ không được định nghĩa là ‘phá rừng’ (xem thông tin chi tiết về ‘Sử dụng cho mục đích nông nghiệp’ tại Mục 4). Việc này bao gồm chuyển đổi đất rừng thành các khu vực dành cho cơ sở hạ tầng đô thị như đường dây điện, đường bộ, xây dựng thành phố và khu định cư, các khu công nghiệp phi nông nghiệp hoặc để triển khai sản xuất năng lượng tái tạo.

Chuyển đổi đất rừng cũng không thuộc định nghĩa ‘phá rừng’ của EUDR nếu mục đích chính của việc chuyển đổi và sử dụng đất sau đó không phải là sử dụng cho mục đích nông nghiệp, mà là các mục đích khác như triển khai năng lượng tái tạo, công nghiệp, phục hồi đa dạng sinh học, phòng chống cháy rừng, phúc lợi động vật trong điều kiện khí hậu khắc nghiệt, hoặc quản lý các loài ngoại lai xâm lấn. Các hoạt động nông nghiệp phụ trợ có thể được thực hiện khi cần để hỗ trợ mục đích chính của việc chuyển đổi và sử dụng đất sau khi chuyển đổi (xem Mục 4.a), hoặc khi hoạt động nông nghiệp không làm thay đổi mục đích sử dụng chính của rừng (xem Mục 4.b).

Các Quốc gia thành viên của Liên minh có trách nhiệm thực thi các điều khoản quy định này. Khi áp dụng các hướng dẫn cho từng trường hợp cụ thể, các Quốc gia thành viên phải đảm bảo xem xét thỏa đáng các tình huống trong từng trường hợp cụ thể. Nếu các hoạt động được đánh giá là không đáng kể, thì nguyên tắc tương xứng cần được áp dụng khi xét đến tất cả các trường hợp rủi ro.

3. Định nghĩa “rừng”

Quy định pháp luật liên quan: EUDR – Điều 2(4) – Các định nghĩa

Theo Điều 2(4) của EUDR, một khu vực được coi là “rừng” nếu có các đặc điểm sau:

- **Có diện tích đất lớn hơn 0,5 ha** – nghĩa là diện tích có cây với chu vi tán cây đạt từ 0,5 ha trở lên.
- **Có cây cao hơn 5 mét** – nghĩa là chiều cao trung bình của cây đạt 5 mét trở lên.
- **Độ che phủ của tán cây trên 10%** - nghĩa là tỷ lệ giữa độ che phủ của tán cây rừng theo phương thẳng đứng so với tổng diện tích lâm phần lớn hơn 10%.
- **Cây có thể đạt đến các ngưỡng này tại chỗ** – nghĩa là các khu vực có cây non chưa đạt nhưng dự kiến sẽ đạt đến độ che phủ của tán cây là 10% và chiều cao cây là 5 mét, bao gồm cả các khu vực tạm thời chưa có trữ lượng rừng do khai thác trắng trong khuôn khổ hoạt động quản lý rừng hoặc do thiên tai nhưng dự kiến sẽ được tái sinh.
- **Không bao gồm diện tích đất chủ yếu được sử dụng cho mục đích nông nghiệp hoặc đô thị** - nghĩa là rừng được xác định bởi hai yếu tố gồm sự hiện diện của cây và không có mục đích sử dụng đất chủ yếu khác (xem phần dưới đây và Mục 4).

Các tiêu chí về diện tích đất, chiều cao trung bình và độ che phủ của tán cây phải đồng thời đạt hoặc có thể đạt ngưỡng ngay tại chỗ.

Theo EUDR, ‘**sử dụng đất đô thị**’ nên được xem là mục đích sử dụng chiếm ưu thế, ví dụ như sử dụng cho công viên và cây xanh tại các khu đô thị, bất kể có đạt ngưỡng theo định nghĩa về rừng hay không. Để biết thêm thông tin về ‘**sử dụng cho mục đích nông nghiệp**’ chiếm ưu thế, xem Mục 4.

Nếu đáp ứng các đặc điểm đã nêu trong định nghĩa, diện tích “rừng” có thể bao gồm, nhưng không giới hạn ở:

- các khu vực có rừng bao quanh hoặc có kết nối chặt chẽ với rừng, được sử dụng cho mục đích lâm nghiệp, chẳng hạn như đường rừng, đường chắn lửa và các khu vực mở nhỏ khác, trừ khi chúng được xây dựng trên bất động sản riêng,
- đất bị bỏ hoang nói chung trong vòng hơn 10 năm, có cây tái sinh đã đạt tiêu chuẩn của 'rừng' (vui lòng xem phần về 'đất để không và đất tạm thời bỏ hoang' tại Mục 4);
- rừng ngập mặn tại các vùng thủy triều, dù khu vực này có được phân loại là diện tích đất hay không;
- vườn ươm các loài cây rừng được trồng trong khu vực rừng nhằm đáp ứng các nhu cầu riêng của chủ rừng;
- Diện tích ngoài phần đất rừng đã được công nhận một cách hợp pháp, đáp ứng các tiêu chí định nghĩa về “rừng”;

Định nghĩa “rừng” không bao gồm lâm phần trong các hệ thống sản xuất nông nghiệp. Xem Mục 4.c và 4.d để biết thêm thông tin.

4. Định nghĩa “Sử dụng cho mục đích nông nghiệp” và các trường hợp ngoại lệ

Quy định pháp luật liên quan: EUDR – Điều 2 (5) – Định nghĩa

Theo Điều 2(5) của EUDR, một khu vực được xem là “sử dụng cho mục đích nông nghiệp” nếu mục đích sử dụng đất của khu vực này là cho nông nghiệp.

a) Làm rõ mục đích nông nghiệp

Theo Điều 2(5) của EUDR, đất được sử dụng cho các mục đích nông nghiệp (ngoài những mục đích khác) bao gồm các trường hợp sau:

- **đất trang trại nông nghiệp** theo quy định tại Điều 2(6) của EUDR. Hướng dẫn chi tiết về “trang trại nông nghiệp” được trình bày tại Mục 4.c.
- **đất nông nghiệp bỏ hoang** – các diện tích đất nông nghiệp bỏ hoang có thể được cân nhắc kết hợp với “đất tạm thời bỏ hoang” được trình bày dưới đây.
- **đất chăn nuôi gia súc** – bao gồm các diện tích đồng cỏ tạm thời hoặc lâu dài, và các trang trại nuôi, nhốt động vật.

Lưu ý rằng các loại hình 'trang trại nông nghiệp', “diện tích đất nông nghiệp để không” và khu vực 'chăn nuôi gia súc' là những ví dụ chưa đầy đủ về 'đất sử dụng cho mục đích nông nghiệp'.

Theo Quy định của EUDR, đất được sử dụng cho mục đích nông nghiệp được hiểu là bao gồm các loại hình sử dụng đất sau:

- Đất trồng cây ngắn ngày là tất cả các diện tích đất được sử dụng để trồng cây có chu kỳ sinh trưởng thông thường dưới một năm, bao gồm cả các loại cây lâu năm.
- Đất đồng cỏ và trồng cỏ trong ngắn hạn là đất trồng các loại cây thân thảo làm thức ăn cho gia súc, hoặc trồng cỏ để cắt hoặc làm đồng cỏ chăn thả gia súc trong khoảng thời gian dưới năm năm liên tiếp.
- Đất để không, hoặc tạm thời bỏ hoang là đất nông nghiệp đang trong thời gian nghỉ trước khi canh tác trở lại, được sử dụng cho mục đích chăn thả gia súc hoặc các hoạt động nông nghiệp khác. Đất này có thể thuộc trong hệ thống luân canh cây trồng của các trang trại nông nghiệp hoặc phải để không do thiếu nguyên vật liệu đầu vào vì các lý do chính đáng hay trường hợp đặc biệt như ảnh hưởng bởi lũ lụt, hạn hán, bao gồm cả các lý do liên quan đến kinh tế, xã hội (như bệnh tật, thừa kế tài sản) hoặc lý do pháp lý (kiện tụng, v.v.). Lưu ý: Đất để không hoặc bỏ hoang nói chung vẫn được coi là đất 'sử dụng cho mục đích nông nghiệp' trong vòng [mười] năm. Tuy nhiên, khu vực này cũng có thể được coi là 'sử dụng cho mục đích nông nghiệp' trong thời gian dài hơn nếu chứng minh được rằng việc không tiếp tục thực hiện các hoạt động nông nghiệp trên đất là do một trong những lý do nêu trên. Lý do đưa ra cần tính đến toàn bộ thời gian đất để không hoặc tạm thời bỏ hoang. Nếu chứng minh được, đất này tiếp tục được coi là đất sử dụng cho mục đích nông nghiệp, trừ khi luật pháp quốc gia có quy định đó là đất rừng.
- Đất trồng cây lưu niên là đất được sử dụng để canh tác các giống cây trồng lâu năm, không phải trồng lại trong nhiều năm, thường là từ năm năm trở lên. Đất trồng cây lâu năm cũng bao gồm đất được sử dụng để trồng cây lâu năm dưới lớp phủ bảo vệ, được đề cập trong Mục 4.b
- Đất đồng cỏ lâu năm là đất được sử dụng để chăn thả gia súc hoặc trồng cây làm thức ăn chăn nuôi, do trồng trọt hoặc mọc tự nhiên, trong vòng hơn năm năm liên tiếp.
- Đất dưới các khu nhà trang trại và sân trang trại là các diện tích đất bề mặt được sử dụng để xây dựng các khu nhà trang trại (như nhà kho, chuồng trại, hầm chứa, silo), các khu chuồng nuôi (như chuồng ngựa, chuồng bò, chuồng cừu, khu chăn nuôi gia cầm) và sân trang trại.
- Trường hợp có đủ bằng chứng thuyết phục để có thể chứng minh rằng (i) một lô đất đã được "sử dụng cho mục đích nông nghiệp" như mô tả ở trên trước ngày 31 tháng 12 năm 2020 và (ii) nhà sản xuất đã quyết định trồng cây bụi luân canh ngắn ngày hoặc cam kết trồng rừng tạm thời trên đất đó trước hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2020 và đất đó không thuộc phạm vi của quy hoạch quản lý rừng, hay các quy định pháp luật về quản lý hoặc bảo vệ rừng, thì lô đất này vẫn được coi là sử dụng cho mục đích nông nghiệp theo EUDR và nhà sản xuất có thể tiếp tục hoạt động nông nghiệp trên đó.
- Các loại hình sử dụng đất nông nghiệp nêu trên cũng có thể bao gồm các bề mặt có yếu tố cảnh quan được khuyến khích vì mục đích bảo tồn đa dạng sinh học hoặc môi trường.

Phục hồi, quản lý các loài ngoại lai xâm hại, phòng chống cháy rừng, phúc lợi động vật, triển khai sản xuất năng lượng tái tạo

Đất đã được chuyển đổi sang một hoặc nhiều mục đích sử dụng chính như liệt kê dưới đây **không** được coi là đã chuyển đổi sang mục đích sử dụng nông nghiệp nếu việc chuyển đổi nhằm:

- ngăn ngừa, giảm thiểu, hoặc đảo ngược tác động tiêu cực của việc du nhập và lây lan các loài ngoại lai xâm hại đến đa dạng sinh học, chỉ khi giới hạn ở mức thực sự cần thiết và được hỗ trợ bởi các kế hoạch phòng ngừa, quản lý hoặc các chức năng, nhiệm vụ chính thức, hoặc
- ngăn ngừa, hoặc giảm thiểu nguy cơ cháy rừng, chỉ khi giới hạn ở mức thực sự cần thiết và được hỗ

trợ bởi các kế hoạch phòng chống cháy rừng, kế hoạch quản lý rừng hoặc các chức năng, nhiệm vụ chính thức, hoặc

- đảm bảo tuân thủ luật pháp về phúc lợi động vật khi việc xây dựng các công trình (vĩnh viễn hoặc tạm thời) để nuôi nhốt động vật là cần thiết nhằm đảm bảo phúc lợi cho chúng và việc xây dựng được giới hạn ở mức tối thiểu cần thiết, cũng như không ảnh hưởng đến việc phân loại các diện tích xung quanh là rừng, hoặc
- đảm bảo phục hồi và quản lý bảo tồn các hệ sinh thái có giá trị đa dạng sinh học cao (ví dụ như một số loại đất hoang, đất ngập nước hoặc đồng cỏ) nếu được yêu cầu bởi kế hoạch bảo tồn hoặc phục hồi (ví dụ như kế hoạch quản lý khu vực được bảo vệ hoặc kế hoạch phục hồi thiên nhiên quốc gia hoặc khu vực) nhằm thực hiện những nghĩa vụ theo các thỏa thuận đa phương toàn cầu về bảo vệ và phục hồi thiên nhiên và đa dạng sinh học, như Công ước về Đa dạng sinh học và Khung đa dạng sinh học toàn cầu Côn Minh-Montreal, hoặc
- triển khai sản xuất năng lượng tái tạo (ví dụ thông qua việc xây dựng các trang trại điện gió, quang điện)

ngay cả khi có các hoạt động nông nghiệp phụ trợ diễn ra khi cần nhằm hỗ trợ các mục đích chính của bảo tồn và sử dụng đất sau khi chuyển đổi.

b) Làm rõ mục đích sử dụng đất chính

Theo Điều 2(4) của EUDR, nếu mục đích sử dụng đất chủ yếu là nông nghiệp thì đất đó không được coi là “rừng”.

Trong bối cảnh của EUDR, các trường hợp ngoại lệ được nêu trong định nghĩa về ‘rừng’ tại Điều 2(4), cho thấy rằng ‘**sử dụng cho mục đích nông nghiệp**’ được coi là mục đích sử dụng chủ yếu trong các trường hợp chưa đầy đủ dưới đây:

- Chăn thả gia súc theo mùa (ví dụ: chăn thả vào mùa hè) hoặc chăn nuôi gia súc tạm thời dưới tán rừng ở những khu vực có cây che phủ nhưng không phải rừng nguyên sinh (ví dụ: ở đồng cỏ bán tự nhiên hoặc đồng cỏ tự nhiên có độ tàn che khác nhau).
- Nếu do các điều kiện khí hậu (ví dụ: có tuyết) mà hoạt động chăn thả dưới tán rừng hoặc nông lâm kết hợp bị hạn chế trong một khoảng thời gian nhất định trong năm thì các hoạt động này có thể được coi là mục đích sử dụng chủ yếu.
- Thiết lập các nhóm cây phòng hộ phục vụ các mục đích khác nhau về môi trường hoặc đa dạng sinh học tại khu vực mà mục đích sử dụng chính vẫn là nông nghiệp (ví dụ: chăn thả gia súc), ngay cả khi khu vực đó đạt các tiêu chí của ‘rừng’

Những trường hợp này khác với các hoạt động nông nghiệp phụ trợ trong bối cảnh chuyển đổi nhằm mục đích phục hồi hoặc quản lý các loài ngoại lai xâm hại, không thuộc mục đích “sử dụng cho mục đích nông nghiệp”, như đề cập ở trên.

Ngược lại, theo EUDR, “**sử dụng cho mục đích nông nghiệp**” không được coi là mục đích sử dụng **chính**, ví dụ như trong trường hợp sản xuất phụ phẩm quy mô nhỏ (ví dụ: cà phê) và chăn thả gia súc quy mô nhỏ hoặc tập trung theo mùa trong rừng miềm là hoạt động sản xuất và các hoạt động liên quan không gây ảnh hưởng bất lợi đến môi trường sống trong rừng.

c) Định nghĩa về “trang trại nông nghiệp”

Quy định pháp luật liên quan: <i>EUDR – Điều 2(6) – Định nghĩa</i>
--

“Trang trại nông nghiệp” được đề cập trong định nghĩa về “sử dụng cho mục đích nông nghiệp” theo quy định

tại Điều 2(5) của EUDR.

Theo Điều 2(6) của EUDR, định nghĩa “trang trại nông nghiệp” trước hết đề cập đến “đất có các nhóm cây cùng loài trong hệ thống sản xuất nông nghiệp, như trang trại cây ăn quả, trang trại cây cọ dầu, vườn ô liu”, có liên quan đến đất trồng trọt bao gồm cả cây trồng lâu năm như mô tả tại Mục 4.

Thứ hai, định nghĩa cũng đề cập đến “hệ thống nông lâm kết hợp, trong đó hoa màu được trồng dưới tán cây”, như giải thích tại Mục 4.d và phải được hiểu cùng với các trường hợp ngoại lệ khi mục đích sử dụng đất chủ yếu không thay đổi. Điều 2 (6) EUDR làm rõ thêm rằng tất cả các trang trại sản xuất hàng hóa có liên quan khác ngoài gỗ đều thuộc khái niệm ‘trang trại nông nghiệp’, do đó các trang trại này nằm trong định nghĩa về ‘sử dụng cho mục đích nông nghiệp’.

Cuối cùng, Điều 2 (6) EUDR quy định rằng các trang trại nông nghiệp không thuộc định nghĩa về ‘rừng’. Điều này có nghĩa là các khu vực đáp ứng tiêu chí của trang trại nông nghiệp không được xác định là rừng, ngay cả khi tại đó có các loại cây như cao su hoặc cọ dầu được trồng.

d) Làm rõ “Hệ thống nông lâm kết hợp”

Quy định pháp luật liên quan: EUDR – Đoạn trích dẫn số (37) và Điều 2 (6) – Định nghĩa

Theo các tài liệu của FAO²⁴, “nông lâm kết hợp” là thuật ngữ chung chỉ các hệ thống và kỹ thuật sử dụng đất, trong đó cây lâu năm thân gỗ (cây gỗ, cây bụi, cây cọ, cây tre, v.v.) được trồng trên cùng một đơn vị quản lý đất cùng với cây trồng nông nghiệp và/hoặc chăn thả động vật, theo một trật tự không gian hoặc thời gian nhất định. Các hợp phần khác nhau trong hệ thống nông lâm kết hợp có sự tương tác về mặt sinh thái và kinh tế. Có hai hệ thống nông lâm kết hợp cơ bản: đồng thời và tuần tự. Các hệ thống đồng thời là khi việc trồng cây và hoa màu hoặc chăn nuôi được thực hiện cùng lúc trên một mảnh đất, trong khi ở các hệ thống tuần tự, cây trồng và hoa màu được trồng luân phiên nhau trong cùng một không gian, nhằm giảm thiểu sự cạnh tranh giữa chúng.

Nông lâm kết hợp cũng có thể bao gồm các hoạt động lâm nghiệp cụ thể, hỗ trợ cho các hoạt động nông nghiệp, chẳng hạn như tăng độ phì nhiêu của đất, giảm xói mòn đất, cải thiện quản lý lưu vực sông, hoặc cung cấp bóng râm và thức ăn cho gia súc.²⁵

Đoạn trích dẫn số (37) nhấn mạnh lại rằng các định nghĩa của FAO không coi hệ thống nông lâm kết hợp là rừng mà là sử dụng cho mục đích nông nghiệp, và gồm nhiều hình thức khác nhau như hoa màu được trồng dưới tán cây, cũng như các hệ thống nông lâm kết hợp, chăn thả gia súc dưới tán rừng và nông lâm kết hợp chăn nuôi.

Vì định nghĩa về ‘rừng’ tại Điều 2(4) của EUDR không bao gồm đất chủ yếu được ‘sử dụng cho mục đích nông nghiệp’, nên có thể suy ra rằng nếu một diện tích đất chủ yếu được sử dụng theo ‘các hệ thống nông lâm kết hợp’ cho các mục đích nêu trong Đoạn trích dẫn số (37), thì diện tích đất đó không được coi là ‘rừng’. Trong trường hợp này, theo Quy định của EUDR, diện tích đó phải được coi là ‘sử dụng cho mục đích nông nghiệp’. Liên quan đến các hoạt động nông nghiệp phụ trợ, bao gồm các hoạt động nông lâm kết hợp trong bối cảnh phục hồi, xem thêm tại Mục 2.

5. Làm rõ mục đích sử dụng đất trong trường hợp có nhiều loại hình sử dụng đất trên cùng một diện tích và sử dụng sổ đăng ký đất đai và bản đồ địa chính

²⁴ FAO 2003. Từ điển đa ngôn ngữ về Quyền sở hữu đất đai. Chương 7. Đất đai trong bối cảnh nông nghiệp, chăn nuôi và lâm nghiệp.

²⁵ FAO Chương trình Thế giới về Tổng điều tra nông nghiệp 2020, Tập 1, trang 120, điểm 8.12.12 và 8.12.13

Trong trường hợp một lô đất có cả phần diện tích được xác định là ‘rừng’ và phần diện tích được xác định là ‘sử dụng cho mục đích nông nghiệp’, thì hai phần diện tích này phải được xem xét riêng biệt. Phần diện tích đáp ứng các tiêu chí của định nghĩa về ‘rừng’ sẽ thuộc phạm vi áp dụng của EUDR, trong khi phần diện tích đáp ứng các tiêu chí ‘sử dụng cho mục đích nông nghiệp’ sẽ không thuộc phạm vi của EUDR xét về mặt chuyển đổi mục đích sử dụng.

Việc phần đất thuộc lô đất được sử dụng cho mục đích nông nghiệp có lớn hơn phần đất được xác định là rừng hay không không phải là tiêu chí có liên quan. Có nghĩa là, nếu một bất động sản rộng 10 ha có 2 ha được xác định là rừng theo tiêu chí khách quan và 8 ha được sử dụng cho mục đích nông nghiệp, thì 2 ha đất rừng được phân loại là rừng, bất kể thực tế là diện tích này chỉ chiếm 20% tổng diện tích bất động sản.

Khi đánh giá xem một lô đất nhất định có cấu thành rừng hay không, cần ưu tiên xem xét các đặc tính thực tế của rừng hơn là các thông tin được ghi trong sổ đăng ký và bản đồ địa chính. Để chứng minh mục đích sử dụng nông nghiệp trong quá khứ, sổ đăng ký đất đai và bản đồ địa chính có thể cung cấp thông tin hỗ trợ cho dữ liệu vệ tinh. Ngoài ra, các kế hoạch quản lý rừng và sổ đăng ký đất rừng cũng có thể hữu ích khi cần xác định liệu khu vực đó có phải là rừng hay không khi hiện tại không có cây che phủ, đặc biệt là do các hoạt động quản lý rừng, thiên tai hoặc đang trong những năm đầu trồng rừng.

Hệ thống quan sát của Liên minh (EU Observatory)²⁶ do Ủy ban châu là một công cụ miễn phí cho tất cả các bên liên quan sử dụng để xác định độ che phủ rừng toàn cầu năm 2020. Tuy nhiên, đây là không phải là công cụ độc quyền, bắt buộc và cũng không có giá trị pháp lý. Các bên liên quan thuộc khu vực công và tư có thể sử dụng bất kỳ bản đồ nào mà họ thấy phù hợp cho mục đích thực hiện trách nhiệm giải trình hoặc kiểm tra của họ.

²⁶ <https://forest-observatory.ec.europa.eu/forest/gfc2020>

PHỤ LỤC I

CÁC ĐỊNH NGHĨA “ĐƯA VÀO THỊ TRƯỜNG”, “CUNG CẤP TRÊN THỊ TRƯỜNG” VÀ “XUẤT KHẨU” ĐƯỢC ÁP DỤNG NHƯ THỂ NÀO TRONG THỰC TIỄN?

Các kịch bản dưới đây đưa ra những tình huống mà một thể nhân hoặc pháp nhân được xem là một cá nhân, tổ chức theo quy định của EUDR

[Trừ khi có quy định khác, trong các trường hợp dưới đây, các cá nhân, tổ chức đều phải thực hiện trách nhiệm giải trình đối với các sản phẩm hoặc hàng hóa liên quan và nộp Tuyên bố trách nhiệm giải trình (DDS) lên Hệ thống thông tin của EUDR hoặc chỉ định một đại diện được ủy quyền nộp Tuyên bố trách nhiệm giải trình thay mặt cho họ theo quy định tại Điều 6 của EUDR.]

[Theo quy định tại Điều 4(3), việc nộp Tuyên bố thực hiện trách nhiệm giải trình (DDS) đồng nghĩa rằng các cá nhân, tổ chức không phải là DNNVV đã hoàn thành trách nhiệm giải trình theo hướng dẫn của EUDR và chịu trách nhiệm cho kết luận rằng các sản phẩm và hàng hóa liên quan không gây mất rừng và được sản xuất theo đúng các quy định pháp luật có liên quan của quốc gia sản xuất, theo quy định tại Điều 3 của EUDR).

Kịch bản 1 – Chế biến sản phẩm

Nhà sản xuất A được thành lập tại Liên minh (không phải là DNNVV) mua dầu cọ [mã HS 1511] từ một quốc gia thứ ba và nhập khẩu vào Liên minh, tại đây công ty sử dụng dầu cọ để sản xuất cồn béo công nghiệp [mã HS 3823 70]. Sau đó, công ty bán cồn béo công nghiệp này cho nhà sản xuất B ở một quốc gia thành viên Liên minh khác.

Nhà sản xuất A được coi là một cá nhân, tổ chức khi nhập khẩu dầu cọ vào EU (thực hiện khai báo theo thủ tục hải quan ‘thông quan để lưu thông tự do’), vì dầu cọ là sản phẩm liên quan thuộc Phụ lục I của EUDR. Do đó, nhà sản xuất A phải thực hiện trách nhiệm giải trình đối với dầu cọ, nộp Tuyên bố trách nhiệm giải trình lên Hệ thống thông tin và cung cấp số tham chiếu của Tuyên bố trong tờ khai hải quan để làm thủ tục thông quan.

Nhà sản xuất A cũng được coi là một cá nhân, tổ chức khi đưa cồn béo công nghiệp ra thị trường, do loại cồn này là sản phẩm liên quan được quy định tại Phụ lục I của EUDR. Như vậy, nhà sản xuất A phải nộp Tuyên bố trách nhiệm giải trình riêng cho loại cồn béo công nghiệp này trước khi đưa ra thị trường, trong Tuyên bố này, nhà sản xuất A có thể dẫn chiếu đến số hiệu của Tuyên bố trước đó theo quy định tại Điều 4(9) của EUDR.

Kịch bản 2 – Vật liệu đóng gói

Kịch bản 2a

Nhà sản xuất C (là DNNVV) được thành lập tại Liên minh, nhập khẩu giấy tráng phủ [mã HS 4810] từ nhà sản xuất B được thành lập tại một quốc gia thứ ba và sử dụng giấy này để đóng gói các sản phẩm khác sau đó được bán trên thị trường Liên minh.

- Nhà sản xuất C được coi là cá nhân, tổ chức khi nhập khẩu giấy tráng phủ vào Liên minh (thực hiện khai báo theo thủ tục hải quan ‘thông quan để lưu thông tự do’), vì giấy này là sản phẩm liên quan được quy định tại Phụ lục I của EUDR. Mặc dù sẽ được sử dụng làm bao bì đóng gói, nhưng giấy này được nhập khẩu dưới dạng một sản phẩm riêng (*so sánh với Kịch bản 2b*), do đó phải thực hiện trách nhiệm giải trình. Nhà sản xuất C phải nộp Tuyên bố trách nhiệm giải trình lên Hệ thống thông tin và cung cấp số tham chiếu của Tuyên bố trong tờ khai hải quan khi làm thủ tục thông quan để lưu thông tự do.

- Nhà sản xuất C không bắt buộc phải thực hiện trách nhiệm giải trình hoặc nộp Tuyên bố trách nhiệm giải trình cho sản phẩm giấy tráng phủ khi giấy này sau đó được sử dụng để đóng gói các sản phẩm khác vì mặt hàng này không được bán như một sản phẩm riêng biệt mà chỉ là vật liệu đóng gói (không tạo ra đặc tính thiết yếu cho sản phẩm), do đó không phải là một sản phẩm liên quan theo quy định của EUDR.

Kịch bản 2b

Công ty D (là DNNVV) được thành lập tại Liên minh, nhập khẩu khung gỗ [mã HS 4414] từ một nước thứ ba và bán cho nhà bán lẻ E cũng được thành lập tại Liên minh. Khung gỗ được đóng gói bằng bìa cứng.

- Công ty D được coi là cá nhân, tổ chức khi nhập khẩu khung gỗ vào Liên minh (thực hiện khai báo theo thủ tục hải quan ‘thông quan để lưu thông tự do’), vì khung gỗ là sản phẩm liên quan được quy định tại Phụ lục I của EUDR. Do đó, công ty D phải thực hiện trách nhiệm giải trình đối với khung gỗ, nộp Tuyên bố trách nhiệm giải trình lên Hệ thống thông tin và cung cấp số tham chiếu của Tuyên bố vào tờ khai hải quan khi làm thủ tục thông quan để lưu thông tự do.
- Công ty D không bắt buộc phải thực hiện trách nhiệm giải trình hoặc nộp Tuyên bố trách nhiệm giải trình cho bao bì bằng bìa cứng vì bao bì này không được nhập khẩu dưới dạng một sản phẩm riêng biệt mà là vật liệu đóng gói (không tạo nên đặc tính thiết yếu của sản phẩm), do đó theo quy định của EUDR không phải là một sản phẩm liên quan.

Kịch bản 3 – Chuyển giao quyền sở hữu

Kịch bản 3a

Nhà sản xuất F (không phải là DNNVV) được thành lập tại Liên minh, mua da gia súc chưa thuộc [mã HS ex 4101] từ nhà cung cấp H được thành lập bên ngoài Liên minh. Theo hợp đồng, quyền sở hữu được chuyển ngay cho nhà sản xuất F khi da vẫn còn ở bên ngoài Liên minh và nhà sản xuất F nhập khẩu da vào Liên minh. Sau khi nhập khẩu vào Liên minh, nhà sản xuất F chế biến da chưa thuộc thành da đã thuộc [mã HS ex 4104] và bán cho các đơn vị bán lẻ I không phải là DNNVV, được thành lập tại Liên minh (đơn vị thương mại).

- Nhà sản xuất F được coi là cá nhân, tổ chức khi nhập khẩu da gia súc chưa thuộc vào Liên minh (thực hiện khai báo theo thủ tục hải quan ‘thông quan để lưu thông tự do’), vì da gia súc chưa thuộc là sản phẩm liên quan được quy định tại Phụ lục I của EUDR. Điều này có nghĩa là nhà sản xuất F phải thực hiện trách nhiệm giải trình đối với da gia súc chưa thuộc, nộp Tuyên bố trách nhiệm giải trình lên Hệ thống thông tin và cung cấp số tham chiếu của Tuyên bố vào tờ khai hải quan để hoàn thành thủ tục thông quan để lưu thông tự do. Khi thực hiện trách nhiệm giải trình đối với da gia súc chưa thuộc, nhà sản xuất F phải cung cấp thông tin về vị trí địa lý liên quan đến tất cả các cơ sở chăn nuôi gia súc (theo quy định tại Điều 9(1)(d) của EUDR). Theo đoạn trích dẫn số 39, nhà sản xuất F phải xác định xem gia súc được giết mổ để lấy da có được nuôi dưỡng bằng các sản phẩm liên quan khác không và nếu có, cũng cần thực hiện trách nhiệm giải trình đối với thức ăn chăn nuôi đó.
- Nhà sản xuất F cũng được coi là cá nhân, tổ chức khi đưa da gia súc đã thuộc ra thị trường, vì da gia súc đã thuộc là sản phẩm liên quan được quy định tại Phụ lục I của EUDR. Điều này có nghĩa là nhà sản xuất F phải nộp Tuyên bố trách nhiệm giải trình riêng cho da gia súc đã thuộc trước khi bán cho đơn vị thương mại I. Nhà sản xuất F có thể tham chiếu đến Tuyên bố trách nhiệm giải trình hiện có liên quan đến da gia súc chưa thuộc mà họ đã đưa ra thị trường trước đó sau khi nhập khẩu vào Liên minh.
- *Do không phải là DNNVV*, nên đơn vị thương mại I có nghĩa vụ thực hiện trách nhiệm giải trình với vai trò là một cá nhân, tổ chức. Sau khi xác nhận rằng đã thực hiện trách nhiệm giải trình đối với da gia súc chưa thuộc, đơn vị thương mại I phải nộp Tuyên bố trách nhiệm giải trình riêng cho da gia súc đã thuộc mua từ nhà sản xuất F trước khi bán cho người tiêu dùng hoặc các đối tượng khác ở giai đoạn sau của chuỗi cung ứng (tức là *cung cấp* trên thị trường Liên minh). Tuyên bố trách nhiệm

giải trình của đơn vị thương mại I có thể tham chiếu đến Tuyên bố trách nhiệm giải trình hiện có của nhà sản xuất F cho da gia súc đã thuộc theo quy định tại Điều 4(9) của EUDR.

[Trong kịch bản này, quyền sở hữu sản phẩm được chuyển từ một thể nhân ngoài Liên minh sang một thể nhân trong Liên minh trước khi sản phẩm được thực sự nhập khẩu vào Liên minh]

Kịch bản 3b

Nhà sản xuất F (không phải là DNNVV) được thành lập tại Liên minh, mua da gia súc đã thuộc [mã HS ex 4104] trực tuyến từ nhà cung cấp H, được thành lập bên ngoài Liên minh. Theo hợp đồng, quyền sở hữu chỉ được chuyển sang cho nhà sản xuất F khi da được giao đến nhà máy của nhà sản xuất F tại Liên minh. Đại lý vận chuyển G đại diện cho nhà cung cấp H nhập khẩu da vào Liên minh và giao đến nhà máy của nhà sản xuất F.

- Nhà cung cấp H được coi là cá nhân, tổ chức khi nhập khẩu da gia súc đã thuộc vào Liên minh (thực hiện khai báo theo thủ tục hải quan ‘thông quan để lưu thông tự do’), vì đây là sản phẩm liên quan được quy định tại Phụ lục I của EUDR. Điều này có nghĩa là nhà cung cấp H phải thực hiện trách nhiệm giải trình đối với da gia súc, nộp Tuyên bố trách nhiệm giải trình lên Hệ thống Thông tin và cung cấp số tham chiếu của Tuyên bố vào tờ khai hải quan khi tiến hành thủ tục thông quan để lưu thông tự do [hoặc ủy quyền cho đại lý vận chuyển G làm đại diện nộp Tuyên bố trách nhiệm giải trình theo quy định tại Điều 6(1) của EUDR]. Là một phần trong việc thực hiện trách nhiệm giải trình đối với sản phẩm da, nhà cung cấp H phải cung cấp thông tin về vị trí địa lý của tất cả các cơ sở chăn nuôi gia súc (theo quy định tại Điều 9(1)(d) của EUDR). Theo đoạn trích dẫn số 39, nhà cung cấp H phải xác định xem gia súc được giết mổ để lấy da có được cho ăn bằng sản phẩm liên quan khác không và nếu có, cũng cần thực hiện trách nhiệm giải trình đối với thức ăn chăn nuôi.
- Nhà sản xuất F là thể nhân hoặc pháp nhân đầu tiên cung cấp các sản phẩm có liên quan trên thị trường Liên minh và cũng được coi là cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 7 của EUDR, mặc dù thực tế họ không phải là cá nhân, tổ chức theo định nghĩa nêu tại Điều 2(15) của EUDR. Điều 7 của EUDR quy định rằng nhà sản xuất F phải tuân thủ các nghĩa vụ tương tự như một cá nhân, tổ chức. Do đó, nhà sản xuất F phải thực hiện trách nhiệm giải trình và nộp Tuyên bố trách nhiệm giải trình riêng lên Hệ thống thông tin trước khi bán sản phẩm cho người tiêu dùng hoặc các đối tượng khác ở giai đoạn sau của chuỗi cung ứng, Tuyên bố này có thể tham chiếu đến Tuyên bố trách nhiệm giải trình của nhà cung cấp H theo quy định tại Điều 4(9) của EUDR.

[Trong kịch bản này, quyền sở hữu chỉ chuyển từ cá nhân là thể nhân ngoài Liên minh sang cá nhân là thể nhân bên trong Liên minh sau khi sản phẩm thực sự được nhập khẩu vào Liên minh]

Kịch bản 4 –Đưa vào thị trường và cung cấp trên thị trường

[Các kịch bản 4a, 4b, 4c và 4d cho thấy sự khác biệt giữa việc đưa sản phẩm vào thị trường Liên minh và việc cung cấp sản phẩm trên thị trường Liên minh. Các kịch bản này cũng giải thích một số trường hợp trong đó các doanh nghiệp ở giai đoạn sau của chuỗi cung ứng có thể được coi là cá nhân, tổ chức.]

Kịch bản 4a

Đơn vị bán buôn J (là DNNVV) được thành lập tại Liên minh, nhập khẩu bột ca cao [mã HS 1805] từ một nhà sản xuất ở một nước thứ ba (ngoài Liên minh) và bán cho đơn vị bán lẻ K (không phải là DNNVV) được thành lập tại Liên minh. Đơn vị bán lẻ K cũng nhập khẩu thêm bột ca cao từ một nước thứ ba (ngoài EU) và trộn với bột ca cao đã mua từ đơn vị bán buôn J để bán cho người tiêu dùng cuối tại Liên minh (so sánh với Kịch bản 4b, 4c, 4d).

- Đơn vị bán buôn J được coi là một cá nhân, tổ chức khi nhập khẩu bột ca cao vào Liên minh (do đó phải thực hiện khai báo theo thủ tục hải quan ‘thông quan để lưu thông tự do’) (đưa vào thị trường), vì bột ca cao là sản phẩm có liên quan được quy định tại Phụ lục I của EUDR. Điều này có nghĩa là đơn vị bán buôn J phải thực hiện trách nhiệm giải trình đối với bột ca cao, nộp Tuyên bố trách nhiệm giải trình (DDS) lên Hệ thống Thông tin và cung cấp số tham chiếu của Tuyên bố cho tờ khai hải

quan để làm thủ tục thông quan để lưu thông tự do.

- Đối với bột ca cao mua từ đơn vị bán buôn J, đơn vị bán lẻ K đóng vai trò như một đơn vị thương mại vì đã đưa bột ca cao này vào thị trường Liên minh. Do không phải là DNNVV, đơn vị bán lẻ K phải thực hiện các nghĩa vụ về trách nhiệm giải trình giống như một cá nhân, tổ chức và phải nộp Tuyên bố trách nhiệm giải trình đối cho bột ca cao đã mua từ đơn vị bán buôn J trước khi bán sản phẩm này ra thị trường (cung cấp trên thị trường). Đơn vị bán lẻ K có thể dẫn chiếu đến Tuyên bố trách nhiệm giải trình hiện có của đơn vị bán buôn J cho sản phẩm bột ca cao này, sau khi xác nhận đã thực hiện đúng trách nhiệm giải trình theo các yêu cầu của EUDR tại Điều 4(9), nhưng đơn vị bán lẻ K vẫn phải chịu trách nhiệm về tính tuân thủ của họ. Đơn vị bán lẻ K được coi là cá nhân, tổ chức khi trực tiếp nhập khẩu bột ca cao bổ sung vào Liên minh (thực hiện khai báo theo thủ tục hải quan ‘thông quan để lưu thông tự do’), vì bột ca cao là sản phẩm liên quan được quy định tại Phụ lục I của EUDR và đơn vị bán lẻ K lần đầu đưa bột ca cao bổ sung vào thị trường Liên minh. Như vậy nhà bán lẻ K phải thực hiện trách nhiệm giải trình đối với bột ca cao bổ sung, nộp Tuyên bố trách nhiệm giải trình lên Hệ thống Thông tin và cung cấp số tham chiếu của Tuyên bố vào tờ khai hải quan khi làm thủ tục thông quan để lưu thông tự do.

Kịch bản 4b

Đơn vị bán buôn J (là DNNVV) được thành lập tại Liên minh, nhập khẩu bột ca cao [mã HS 1805] từ một nhà sản xuất ở một nước thứ ba (ở ngoài Liên minh) và bán cho đơn vị bán lẻ K (không phải DNNVV), được thành lập tại Liên minh. Đơn vị bán lẻ K bán lại bột ca cao trong thị trường Liên minh.

- Đơn vị bán buôn J được coi là một cá nhân, tổ chức khi nhập khẩu bột ca cao vào Liên minh (thực hiện khai báo theo thủ tục hải quan ‘thông quan để lưu thông tự do’), vì bột ca cao là sản phẩm liên quan được quy định tại Phụ lục I của EUDR. Như vậy, đơn vị bán buôn J phải thực hiện trách nhiệm giải trình đối với bột ca cao, nộp Tuyên bố trách nhiệm giải trình lên Hệ thống Thông tin và cung cấp số tham chiếu của Tuyên bố vào tờ khai hải quan khi làm thủ tục thông quan để lưu thông tự do.
- Vì bột ca cao đã được đơn vị bán lẻ J đưa vào thị trường Liên minh và nếu đơn vị bán lẻ K không chế biến hoặc bổ sung bột ca cao trước khi bán lại, thì đơn vị bán lẻ K chỉ cung cấp sản phẩm liên quan trên thị trường Liên minh. Để thực hiện trách nhiệm giải trình và nộp các tuyên bố trách nhiệm giải trình theo quy định tại Điều 4(2) và (9) của EUDR, đơn vị bán lẻ K có thể dẫn chiếu đến Tuyên bố trách nhiệm giải trình hiện có sau khi xác định được là đơn vị bán buôn J đã thực hiện đúng trách nhiệm giải trình theo quy định tại Điều 4(9) của EUDR. Tuy nhiên, đơn vị bán lẻ K vẫn phải chịu trách nhiệm về tính tuân thủ của họ.

Kịch bản 4c

Đơn vị bán buôn J (là DNNVV) được thành lập tại Liên Minh, nhập khẩu dầu đậu nành [mã HS 1507] từ một nhà sản xuất ở một nước thứ ba (bên ngoài Liên Minh) và bán cho đơn vị bán lẻ K (là DNNVV) được thành lập tại Liên minh. Đơn vị bán lẻ K bán lại dầu đậu nành tại thị trường Liên minh.

- Đơn vị bán buôn J được coi là một cá nhân, tổ chức khi nhập khẩu dầu đậu nành vào Liên minh (thực hiện khai báo theo thủ tục hải quan ‘thông quan để lưu thông tự do’), vì dầu đậu nành là một sản phẩm liên quan được quy định tại Phụ lục I của EUDR. Điều này có nghĩa là đơn vị bán buôn J phải thực hiện trách nhiệm giải trình đối với dầu đậu nành, nộp Tuyên bố trách nhiệm giải trình lên Hệ thống Thông tin và cung cấp số tham chiếu của Tuyên bố trong tờ khai hải quan khi làm thủ tục thông quan để lưu thông tự do.
- Vì dầu đậu nành đã được đơn vị bán buôn J đưa vào thị trường Liên minh và nếu đơn vị bán lẻ K không chế biến hoặc bổ sung thêm dầu đậu nành thêm thành phần trước khi bán lại, thì đơn vị này chỉ cung cấp sản phẩm liên quan trên thị trường Liên minh. Vì đơn vị bán lẻ K là một DNNVV nên họ không có nghĩa vụ thực hiện trách nhiệm giải trình như một cá nhân, tổ chức. Do đó, đơn vị bán lẻ K phải thu thập và lưu giữ thông tin theo yêu cầu tại Điều 5 của EUDR, nhưng không bắt buộc phải nộp Tuyên bố trách nhiệm giải trình cho dầu đậu nành theo quy định tại Điều 5(2) của EUDR trước khi bán lại sản phẩm này.

Kịch bản 4d

Đơn vị bán buôn J (là DNNVV) được thành lập tại Liên minh, nhập khẩu hạt ca cao [mã HS 1801] từ một nhà sản xuất ở một nước thứ ba (ngoài Liên minh) và bán cho nhà sản xuất K (không phải là DNNVV), được thành lập tại Liên minh. Nhà sản xuất K sử dụng hạt ca cao để sản xuất sô cô la dạng thanh [mã HS 1806], sau đó bán sản phẩm này tại thị trường Liên minh.

- Đơn vị bán buôn J được coi là cá nhân, tổ chức khi nhập khẩu hạt ca cao vào Liên minh (thực hiện khai báo theo thủ tục hải quan ‘thông quan để lưu thông tự do’), vì hạt ca cao là sản phẩm liên quan được quy định tại Phụ lục I của EUDR. Như vậy, đơn vị bán buôn J phải thực hiện trách nhiệm giải trình đối với hạt ca cao, nộp Tuyên bố trách nhiệm giải trình lên Hệ thống Thông tin và cung cấp số tham chiếu của Tuyên bố cho tờ khai hải quan khi làm thủ tục thông quan để lưu thông tự do.
- Nhà sản xuất K được coi là cá nhân, tổ chức khi bán sô cô la thanh, vì sô cô la thanh cũng là sản phẩm liên quan được quy định tại Phụ lục I của EUDR, đang được đưa vào thị trường Liên minh (cung cấp lần đầu tiên trên thị trường Liên minh). Để thực hiện trách nhiệm giải trình và nộp tuyên bố trách nhiệm giải trình theo quy định tại Điều 4(2) và (9) của EUDR, đơn vị bán lẻ K có thể dẫn chiếu đến Tuyên bố trách nhiệm giải trình hiện có sau khi xác định rằng đơn vị bán buôn J đã thực hiện đúng trách nhiệm giải trình theo quy định tại Điều 4(9) của EUDR, nhưng đơn vị bán lẻ K vẫn phải chịu trách nhiệm về tính tuân thủ.

Kịch bản 5 – Sử dụng Tuyên bố trách nhiệm giải trình đã có như một nguồn tham chiếu

Công ty L (không phải là DNNVV) được thành lập tại Liên minh, mua thịt gia súc đông lạnh [mã HS ex0202] từ chủ trang trại M (DNNVV), chăn nuôi gia súc tại Liên minh. Trang trại M đã mua thức ăn cho gia súc từ đơn vị bán lẻ W (DNNVV), đơn vị này đã thực hiện trách nhiệm giải trình. Sau đó, công ty L xuất khẩu thịt gia súc đông lạnh [mã HS ex0202] sang một nước thứ ba. Thịt chưa được chế biến hoặc trộn lẫn với các sản phẩm liên quan khác.

- Chủ trang trại M được coi là một cá nhân, tổ chức khi bán thịt gia súc đông lạnh cho công ty L và phải thực hiện trách nhiệm giải trình, nộp Tuyên bố trách nhiệm giải trình cho sản phẩm thịt gia súc lên Hệ thống Thông tin trước khi bán sản phẩm. Khi thực hiện trách nhiệm giải trình, chủ trang trại M phải cung cấp thông tin về vị trí địa lý của tất cả các cơ sở chăn nuôi gia súc (theo quy định tại Điều 9(1)(d) của EUDR). Theo đoạn trích dẫn số 39, chủ trang trại M phải xác định xem gia súc có được nuôi bằng một sản phẩm liên quan khác hay không và nếu có, chủ trang trại M phải xem xét bằng chứng là các hóa đơn liên quan, số tham chiếu của các tuyên bố trách nhiệm giải trình hoặc các tài liệu có liên quan khác do đơn vị bán lẻ W cung cấp để chứng minh rằng thức ăn chăn nuôi đã được sử dụng không liên quan đến gây mất rừng.
- Công ty L được coi là một cá nhân, tổ chức khi xuất khẩu thịt gia súc đông lạnh từ Liên minh (thực hiện khai báo theo thủ tục hải quan xuất khẩu). Do đó, Công ty L phải chứng minh là đã thực hiện trách nhiệm giải trình đối với thịt gia súc và đã nộp một tuyên bố trách nhiệm giải trình riêng, có thể dẫn chiếu đến tuyên bố trách nhiệm giải trình mà chủ trang trại M đã nộp trước đó theo quy định tại Điều 4(9) của EUDR. Nếu thay vì xuất khẩu thịt sang một nước thứ ba, công ty L quyết định bán thịt tại thị trường Liên minh thì họ sẽ hoạt động như một đơn vị thương mại, nhưng sẽ phải tuân thủ các nghĩa vụ tương tự như đã nêu ở trên, vì họ là đơn vị thương mại không phải là DNNVV, họ được coi là cá nhân, tổ chức không phải là DNNVV theo quy định tại Điều 5(1) của EUDR.

Kịch bản 6 – Trách nhiệm giải trình đối với các thể nhân/doanh nghiệp siêu nhỏ

Chủ rừng tư nhân N (là DNNVV) được thành lập tại Liên minh, ký hợp đồng với công ty gỗ O (không phải

là DNNVV) để khai thác một số cây. Công ty O khai thác cây, nhưng gỗ tròn [mã HS 4403] vẫn thuộc sở hữu của chủ rừng N. Sau khi thu gom gỗ tròn, chủ rừng N bán gỗ tròn đã khai thác cho công ty gỗ O. Sau đó, công ty gỗ O chuyển gỗ tròn đến xưởng gỗ của mình và đưa ra thị trường sản phẩm dưới dạng gỗ xẻ [mã HS 4407].

- Chủ rừng N được coi là một cá nhân, tổ chức và phải thực hiện trách nhiệm giải trình trước khi đưa gỗ vào thị trường. Tuy nhiên, vì chủ rừng N là một *thể nhân/doanh nghiệp siêu nhỏ*, nên họ có thể ủy quyền cho một tổ chức hoặc một đơn vị thương mại tiếp theo trong chuỗi cung ứng không phải là một thể nhân/doanh nghiệp siêu nhỏ làm đại diện và thay mặt họ nộp Tuyên bố Trách nhiệm Giải trình. Trong trường hợp chủ rừng N chọn ủy quyền cho công ty O thay mặt họ nộp Tuyên bố Trách nhiệm Giải trình, chủ rừng N sẽ cung cấp cho công ty O tất cả thông tin cần thiết để xác nhận rằng chủ rừng đã thực hiện trách nhiệm giải trình và không phát hiện thấy rủi ro/rủi ro ở mức không đáng kể theo quy định tại Điều 6(3) của EUDR. Dù vậy, chủ rừng N vẫn chịu trách nhiệm về tính tuân thủ của họ.

Công ty gỗ O được coi là một cá nhân, tổ chức khi đưa gỗ xẻ ra thị trường như một sản phẩm liên quan được quy định tại Phụ lục I của EUDR, được sản xuất từ gỗ tròn khai thác trong rừng của chủ rừng N. Do đó, công ty gỗ O phải chứng minh đã thực hiện trách nhiệm giải trình đối với gỗ tròn và nộp một Tuyên bố Trách nhiệm Giải trình riêng lên Hệ thống Thông tin trước khi đưa ra thị trường sản phẩm gỗ xẻ được sản xuất từ gỗ tròn do chủ rừng N khai thác.

Kịch bản 7 – Ủy quyền cho bên thứ ba làm đại diện

Đơn vị bán lẻ P (là DNNVV) được thành lập tại Liên minh, nhập khẩu lốp cao su khí nén [mã HS ex4011] từ một nước thứ ba (ngoài Liên minh) và ủy quyền cho công ty Q được thành lập tại Liên minh làm đại diện nộp tuyên bố trách nhiệm giải trình với tư cách là nhà cung cấp dịch vụ cho đơn vị bán lẻ P.

- Đơn vị bán lẻ P được coi là một cá nhân, tổ chức khi nhập khẩu lốp cao su vào Liên minh (thực hiện khai báo theo thủ tục hải quan ‘thông quan để lưu thông tự do’), vì lốp cao su là sản phẩm liên quan được quy định tại Phụ lục I của EUDR. Như vậy đơn vị bán lẻ P phải thực hiện trách nhiệm giải trình đối với lốp cao su nhưng họ có thể ủy quyền cho công ty Q làm đại diện nộp Tuyên bố Trách nhiệm Giải trình của sản phẩm lốp cao su theo quy định tại Điều 6(1) của EUDR. Công ty Q không phải là một mắt xích trong chuỗi cung ứng, mà chỉ là nhà cung cấp dịch vụ đại diện cho nhà bán lẻ P nộp tuyên bố trách nhiệm giải trình lên Hệ thống Thông tin. Khi được các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu, công ty Q cần phải cung cấp bản sao giấy ủy quyền theo quy định tại Điều 6(2) của EUDR. Đơn vị bán lẻ P vẫn phải chịu trách nhiệm về tính tuân thủ theo quy định tại Điều 3 của EUDR.

Kịch bản 8 – Phạm vi sản phẩm

Nhà sản xuất R (là DNNVV) được thành lập tại Liên minh, nhập khẩu dầu cọ [mã HS 1511] vào Liên minh từ các nhà sản xuất ở nước thứ ba (ngoài Liên minh) và chế biến dầu cọ này thành xà phòng [mã HS 3401] tại nhà máy của họ để bán trên thị trường Liên minh.

- Nhà sản xuất R được coi là cá nhân, tổ chức khi nhập khẩu dầu cọ vào Liên minh (thực hiện khai báo theo thủ tục hải quan ‘thông quan để lưu thông tự do’), vì dầu cọ là sản phẩm liên quan được quy định tại Phụ lục I của EUDR. Do đó, nhà sản xuất R phải thực hiện trách nhiệm giải trình, nộp tuyên bố trách nhiệm giải trình lên Hệ thống Thông tin và cung cấp số tham chiếu của tuyên bố trong tờ khai hải quan khi làm thủ tục thông quan để lưu thông tự do.
- Tuy nhiên, khi bán xà phòng, nhà sản xuất R không bắt buộc phải thực hiện trách nhiệm giải trình hoặc nộp tuyên bố trách nhiệm giải trình đối với dầu cọ có trong xà phòng, vì bản thân xà phòng không phải là sản phẩm liên quan được liệt kê tại Phụ lục I của EUDR.

Kịch bản 9 – Đưa các sản phẩm có liên quan vào thị trường bởi một cá nhân, tổ chức là DNNVV

Kịch bản 9a

Đơn vị kinh doanh đậu nành S (không phải là DNNVV), thành lập tại Liên minh, mua đậu nành [mã HS

1201] tại thị trường Liên minh từ một công ty khác. Đơn vị kinh doanh S sau đó bán đậu nành cho công ty T (là DNNVV) được thành lập tại Liên minh. Công ty T sản xuất bột đậu nành [mã HS 1208 10] từ đậu nành đã mua và bán bột đậu nành trên thị trường Liên minh.

- Đơn vị kinh doanh S được coi là một đơn vị thương mại không phải là DNNVV khi bán (*cung cấp trên thị trường*) đậu nành cho công ty T, vì đậu nành là sản phẩm liên quan được quy định tại Phụ lục I của EUDR. Do đó, đơn vị kinh doanh S phải chứng minh là đã thực hiện trách nhiệm giải trình đối với đậu nành và nộp một Tuyên bố Trách nhiệm Giải trình mới lên Hệ thống Thông tin trước khi bán đậu nành cho công ty T.
- Công ty T được coi là một cá nhân, tổ chức khi đưa bột đậu nành vào thị trường bằng cách bán sản phẩm, vì công ty đã chế biến đậu nành thành một sản phẩm mới (bột đậu nành) - là sản phẩm liên quan với mã HS riêng được quy định tại Phụ lục I của EUDR. Vì công ty T đưa một sản phẩm liên quan mới vào thị trường (*lần đầu tiên cung cấp trên thị trường*), nên công ty T được coi là một cá nhân, tổ chức. Là một DNNVV, công ty T không bắt buộc phải thực hiện trách nhiệm giải trình trước khi đưa bột đậu nành ra thị trường cũng như không phải Tuyên bố Trách nhiệm Giải trình lên Hệ thống Thông tin vì bột đậu nành được làm từ đậu nành đã được đơn vị kinh doanh S thực hiện trách nhiệm giải trình và đã nộp Tuyên bố Trách nhiệm Giải trình theo quy định tại Điều 4(8) của EUDR. Tuy nhiên, công ty T vẫn chịu trách nhiệm về tính tuân thủ.

Kịch bản 9b

Chủ rừng tư nhân U (là DNNVV) được thành lập tại Liên minh, khai thác một số cây của họ. Sau đó, chủ rừng U chế biến gỗ tròn thành các khung ảnh gỗ cá nhân [mã HS4414] và bán trực tiếp cho người tiêu dùng cuối.

- Chủ rừng U được coi là một cá nhân, tổ chức và phải thực hiện trách nhiệm giải trình trước khi đưa gỗ tròn đã khai thác [mã HS 4403] ra thị trường để chế biến thành khung ảnh gỗ và phải nộp Tuyên bố Trách nhiệm Giải trình lên Hệ thống Thông tin.
- Chủ rừng U vẫn được coi là một cá nhân, tổ chức khi đưa khung ảnh gỗ cá nhân ra thị trường, vì khung ảnh gỗ là sản phẩm liên quan được quy định tại Phụ lục I của EUDR, và đây là *lần đầu tiên* sản phẩm này được cung cấp trên thị trường. Chủ rừng U là một DNNVV, do đó theo quy định tại Điều 4(8) của EUDR, họ không phải thực hiện trách nhiệm giải trình cũng như không phải nộp Tuyên bố Trách nhiệm Giải trình mới lên Hệ thống Thông tin cho khung ảnh gỗ vì khung ảnh gỗ được làm từ sản phẩm gỗ tròn đã thực hiện trách nhiệm giải trình và Tuyên bố Trách nhiệm Giải trình cho sản phẩm này đã được nộp lên Hệ thống Thông tin.

[Trong kịch bản 9b nêu trên, nếu chủ rừng U khai thác một số cây của họ để tạo ra khung ảnh cá nhân để sử dụng tại nhà, thì họ không phải là một cá nhân, tổ chức và do đó sẽ không phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại EUDR. Tương tự, chủ rừng này cũng không phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại EUDR nếu chế biến ra các sản phẩm liên quan khác để sử dụng cho mục đích cá nhân từ những cây này, chẳng hạn như làm hàng rào hoặc đồ nội thất cho ngôi nhà của họ.]

Kịch bản 10 – Các sản phẩm liên quan được bán trực tuyến hoặc thông qua các phương tiện bán hàng từ xa khác

Thẻ nhân V (là đơn vị thương mại là DNNVV) thành lập tại Liên minh, mua khung ảnh gỗ [mã HS 4414] để bán lại ở cửa hàng bán đồ thủ công trực tuyến của họ trong quá trình thực hiện hoạt động thương mại. Sản phẩm khung ảnh gỗ này đã được doanh nghiệp Z thực hiện trách nhiệm giải trình.

- Thẻ nhân V được coi là một đơn vị thương mại khi cung cấp khung ảnh gỗ trên thị trường, hoặc là một cá nhân, tổ chức khi xuất khẩu khung ảnh gỗ sang một quốc gia thứ ba, vì khung ảnh gỗ là một sản phẩm liên quan được quy định tại Phụ lục I của EUDR. EUDR không có điều khoản nào quy định việc bán hàng trực tuyến hoặc thông qua các phương tiện bán hàng từ xa khác được coi là cung cấp sản phẩm trên thị trường hoặc xuất khẩu. Thẻ nhân V phải tuân thủ các quy định của EUDR trước khi ký kết thỏa thuận/hợp đồng mua bán với bên mua khung ảnh gỗ.

PHỤ LỤC II

CÁC VÍ DỤ VỀ YÊU CẦU THÔNG TIN VÀ THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH ĐỐI VỚI CÁC SẢN PHẨM HỖN HỢP ĐƯỢC QUY ĐỊNH TẠI PHỤ LỤC I CỦA EUDR

Ví dụ 1: Đáp ứng các yêu cầu về thông tin và trách nhiệm giải trình đối với sản phẩm liên quan và tất cả các bộ phận của sản phẩm có chứa hoặc được làm từ các sản phẩm liên quan khác.

Loại sản phẩm	Khối lượng	Đã thực hiện trách nhiệm giải trình đối với sản phẩm liên quan chưa?			
Nội thất văn phòng CKD (mã HS 9403)	1.500 chiếc	Có, doanh nghiệp đã thực hiện trách nhiệm giải trình theo quy định tại Điều 8 của EUDR, bao gồm các yêu cầu về thông tin theo quy định tại Điều 9 (như dưới đây) và cung cấp Tuyên bố Trách nhiệm Giải trình.			
Bộ phận của sản phẩm liên quan (thành phần)	Thông tin về các bộ phận liên quan của sản phẩm có liên quan (theo Điều 9)				Bộ phận của sản phẩm liên quan có được đề cập trong Tuyên bố Trách nhiệm Giải trình (DDS) không?
	Mô tả ²	Loài	Quốc gia sản xuất	Vị trí địa lý của hàng hóa, sản phẩm	
Lõi	Ván dăm (mã HS 4410)	Thông Sitka (<i>Picea sitchensis</i>)	Quốc gia thành viên Liên minh	Nhiều khu rừng trồng. Tất cả vị trí địa lý đều đã được xác định	Có: tổ chức đã tham chiếu đến tuyên bố trách nhiệm giải trình hiện có, sau khi xác định rằng trách nhiệm giải trình đã được thực hiện theo quy định.
Mặt trước và sau	Ván lạng 0,5 mm (mã HS 4408)	Đẻ gai châu Âu (<i>Fagus sylvatica</i>)	Quốc gia thành viên Liên minh	Chủ rừng tư nhân. Tất cả vị trí địa lý đều đã xác định	Có: tổ chức đã tham chiếu đến tuyên bố trách nhiệm giải trình hiện có, sau khi xác định rằng trách nhiệm giải trình đã được thực hiện theo quy định.

Ví dụ 2: Đáp ứng các yêu cầu về thông tin và trách nhiệm giải trình đối với sản phẩm liên quan và tất cả các bộ phận của sản phẩm có chứa hoặc được làm từ các sản phẩm liên quan khác.

Loại sản phẩm	Khối lượng	Đã thực hiện trách nhiệm giải trình đối với sản phẩm liên quan chưa?
Bánh kẹo làm từ sô cô la (mã HS 1806)	2.000 kg	Có, tổ chức đã thực hiện trách nhiệm giải trình theo quy định tại Điều 8 của EUDR, bao gồm các yêu cầu về thông tin theo quy định tại Điều 9 (như dưới đây) và cung cấp Tuyên bố Trách nhiệm Giải trình.

Bộ phận của sản phẩm liên quan (thành phần)	Thông tin về các bộ phận liên quan của sản phẩm (theo Điều 9)			Bộ phận của sản phẩm liên quan có được đề cập Tuyên bố Trách nhiệm Giải trình (DDS) không?
	Mô tả	Quốc gia sản xuất	Vị trí địa lý của hàng hóa, sản phẩm	
Nguyên liệu	Bơ cacao (mã HS 1804)	Một số nước thứ ba	Nhiều trang trại/đồn điền nhỏ. Tất cả vị trí địa lý đều đã được xác định	Có, hiện không có Tuyên bố Trách nhiệm Giải trình nào, nên doanh nghiệp đã thực hiện trách nhiệm giải trình cho thành phần này của sản phẩm liên quan.
Nguyên liệu	Bột cacao (mã HS 1803)	Một số nước thứ ba	Nhiều trang trại/đồn điền nhỏ. Tất cả vị trí địa lý đều đã được xác định	Có: tổ chức đã tham chiếu đến tuyên bố trách nhiệm giải trình hiện có, sau khi xác định rằng trách nhiệm giải trình đã được thực hiện theo quy định.

Ví dụ 3: Chưa đáp ứng các yêu cầu về thông tin và trách nhiệm giải trình đối với sản phẩm liên quan và tất cả các bộ phận của sản phẩm có chứa hoặc được làm từ các sản phẩm liên quan khác. Không thể đưa sản phẩm có liên quan ra thị trường vì không xác định được vị trí địa lý của các hàng hóa liên quan đến một sản phẩm liên quan có trong sản phẩm hỗn hợp.

Loại sản phẩm	Khối lượng	Đã thực hiện trách nhiệm giải trình đối với sản phẩm liên quan chưa?
Gỗ dán (mã HS 4412)	8.500 m ³	Có, đã thực hiện trách nhiệm giải trình nhưng vì quá trình thực hiện trách nhiệm giải trình cho thấy không có thông tin về vị trí địa lý theo yêu cầu nên không thể đưa sản phẩm liên quan ra thị trường.
Bộ phận của sản phẩm liên quan (thành phần)	Thông tin về các bộ phận liên quan của sản phẩm (theo Điều 9)	Bộ phận của sản phẩm liên quan có được đề cập trong tuyên bố trách nhiệm giải trình (DDS) không?

	Mô tả	Loài	Quốc gia sản xuất	Vị trí địa lý của hàng hóa, sản phẩm	
Mặt trước và sau	Ván lạng (mã HS 4408)	Gỗ công tía (<i>Calophyllum</i> spp.)	Nước thứ ba	Nhiều đơn điền. Tất cả vị trí địa lý đều đã được xác định	Có: tổ chức đã tham chiếu đến tuyên bố trách nhiệm giải trình hiện có, sau khi xác định rằng trách nhiệm giải trình đã được thực hiện theo quy định.
Lõi	Ván lạng (mã HS 4408)	Gỗ dương (<i>Populus</i> sp.)	Nước thứ ba	Các lô đất trang trại. Chưa xác định/chưa biết vị trí địa lý	Không: không thể thực hiện các nghĩa vụ về trách nhiệm giải trình khi không có thông tin về vị trí địa lý.

Ví dụ 4: Chưa đáp ứng các yêu cầu về thông tin và trách nhiệm giải trình đối với sản phẩm liên quan và tất cả các bộ phận của sản phẩm có chứa hoặc được làm từ các sản phẩm liên quan khác. Không thể đưa sản phẩm liên quan ra thị trường vì không xác định được thông tin về vị trí địa lý của các hàng hóa liên quan đến sản phẩm trong sản phẩm hỗn hợp và không có sẵn thông tin về loài của sản phẩm liên quan khác.

Loại sản phẩm	Khối lượng	Đã thực hiện trách nhiệm giải trình đối với sản phẩm liên quan chưa?			
Giấy viết (90 g/m ²) (mã HS 4802)	1.200 tấn	Có, đã thực hiện trách nhiệm giải trình nhưng không có thông tin cần thiết cho quá trình đó vì vậy không thể đưa sản phẩm có liên quan ra thị trường.			
Bộ phận của sản phẩm liên quan (thành phần)	Thông tin về các bộ phận liên quan của sản phẩm (theo Điều 9)				Bộ phận của sản phẩm liên quan có được đề cập trong tuyên bố trách nhiệm giải trình (DDS) không?
	Mô tả	Loài	Quốc gia sản xuất	Vị trí địa lý của hàng hóa, sản phẩm	

Bột giấy	Bột giấy sợi ngắn (mã HS 47)	<i>Keo tai tượng</i>	Nước thứ ba	Rừng trồng. Đã xác định vị trí địa lý	Có: tổ chức đã tham chiếu đến tuyên bố trách nhiệm giải trình hiện có, sau khi xác định trách nhiệm giải trình đã được thực hiện theo quy định
Bột giấy	Bột giấy sợi ngắn (mã HS 47)	Gỗ cứng nhiệt đới hỗn hợp của các loài chưa xác định	Nước thứ ba	Rừng trồng. Đã xác định vị trí địa lý	Không: không thể thực hiện các nghĩa vụ về trách nhiệm giải trình khi không xác định được các loài có trong sản phẩm gỗ.
Bột giấy	Bột giấy sợi dài (mã HS 47)	<i>Thông Radiata</i>	Nước thứ ba	Rừng trồng. Chưa xác định/không biết vị trí địa lý	Không: không thể thực hiện các nghĩa vụ về trách nhiệm giải trình khi không xác định được vị trí địa lý.

Ví dụ 5: Chưa đáp ứng các yêu cầu về thông tin và trách nhiệm giải trình đối với sản phẩm liên quan và tất cả các bộ phận của sản phẩm có chứa hoặc làm từ các sản phẩm liên quan khác. Không thể đưa sản phẩm liên quan ra thị trường do khi thực hiện trách nhiệm giải trình đối với một sản phẩm liên quan trong sản phẩm hỗn hợp cho thấy sản phẩm này có gây ra phá rừng.

Loại sản phẩm	Khối lượng			Đã thực hiện trách nhiệm giải trình đối với sản phẩm liên quan chưa?
Bánh kẹo làm từ sô cô la (mã HS 1806)	900 kg			Có, đã thực hiện trách nhiệm giải trình nhưng không thể xác nhận rằng các sản phẩm không gây mất rừng nên không thể đưa sản phẩm liên quan ra thị trường.
Bộ phận của sản phẩm liên quan (thành phần)	Thông tin về các bộ phận của sản phẩm liên quan (theo Điều 9)			Bộ phận của sản phẩm liên quan có được đề cập trong tuyên bố trách nhiệm giải trình (DDS) không?
	Mô tả	Quốc gia sản xuất	Vị trí địa lý của hàng hóa, sản phẩm	
	Bơ cao cao (mã HS 1804)	Một vài nước thứ ba	Nhiều trang trại/đồn điền nhỏ. Tất cả vị trí địa lý đều đã xác định.	Có: tổ chức đã tham chiếu đến tuyên bố trách nhiệm giải trình hiện có, sau khi xác định rằng trách nhiệm giải trình đã được thực hiện theo quy định.
	Bột cao cao sệt (mã HS 1803)	Một vài nước thứ ba	Nhiều trang trại/đồn điền nhỏ. Tất cả vị trí địa lý đều đã xác định.	Có: tổ chức đã tham chiếu đến tuyên bố trách nhiệm giải trình hiện có, sau khi xác định rằng trách nhiệm giải trình đã được thực hiện theo quy định.
	Bột cao cao (mã HS 1805)	Một vài nước thứ ba	Nhiều trang trại. Tất cả vị trí địa lý đều đã xác định.	Không. Đã thực hiện trách nhiệm giải trình nhưng một số khu vực đã xảy ra tình trạng mất rừng sau thời hạn 31/12/2020, do đó thành phần này không tuân thủ Điều 3 và bị cấm.

